

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY  
SAI GON BINH TAY GROUP  
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Independence – Freedom – Happiness

Số: 29/2025/SBB-CBTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2025  
Ho Chi Minh City, April 20, 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

### 1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Name of organization: SAI GON BINH TAY BEER GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán: SBB

Stock symbol: SBB

- Địa chỉ: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Address: 08 Nam Ky Khoi Nghia, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City

- Điện thoại liên hệ: 028.3829.3586

Telephone: 028.3829.3586

- E-mail: info@sabibeco.com

### 2. Loại thông tin công bố/ Type of information disclosed:

☒ Định kỳ/Periodic

☐ 24h/ 24 hours

☐ 72h/72 hours

☐ Theo yêu cầu/ As required

☐ Khác/ Other

### 3. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosed:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây công bố thông tin **Báo cáo thường niên năm 2024**.

Sai Gon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company discloses the **2024 Annual Report**.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2025 tại đường dẫn <https://sabibeco.com/thong-tin-co-dong/>

This information was disclosed on the company's website on April 20, 2025, at the following link:  
<https://sabibeco.com/thong-tin-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.



**Người ủy quyền CBTT**

***The authorized person to disclose information***

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*(Signed, full name, and company stamp)*

***Nơi nhận/ Recipients:***

- Như trên/ As above;
- Lưu TK.HĐQT, VP/ Filed at the Board of Directors' archive, Office.



**Lee Chio Lim Larry**





# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN







## MỤC LỤC

- I. THÔNG TIN CHUNG
- II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- III. BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH
- IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- V. QUẢN TRỊ CÔNG TY
- VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# SBB





# I. THÔNG TIN CHUNG

03. Thông tin khái quát

09. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

11. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

17. Định hướng phát triển

21. Các rủi ro





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên giao dịch** CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

**Tên tiếng Anh** SAI GON BINH TAY BEER GROUP JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt** SABIBECO GROUP

**Giấy CNDKKD** Số 0304116373 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần 12 ngày 10 tháng 04 năm 2025

**Vốn điều lệ** 875.245.360.000 đồng

**Địa chỉ** 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Số điện thoại** (028) 3824 3586

**Số Fax** (028) 3915 1859

**Email** info@SABIBECO.com

**Website** www.SABIBECO.com

**Mã cổ phiếu** SBB



NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU, BIA





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

2005

Thành lập ngày 25/11/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 của Công ty số 4103004075 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp.

2006

Ngày 05/01/2006: Triển khai động thổ Dự án đầu tư Nhà máy bia công suất 45 triệu lít / năm tại Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Nhà máy Bia Sài Gòn - Bình Dương).

Ngày 01/11/2006: Văn phòng Công ty bắt đầu hoạt động tại Số 12 Đông Du, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01/12/2006: Quyết định đầu tư giai đoạn II dự án đầu tư Nhà máy bia Sài Gòn – Bình Dương, tăng công suất lên 120 triệu lít/năm.

2007

Tháng 1/2007: Nhà máy Bia Sài Gòn – Bình Dương chính thức đi vào hoạt động.

2008

Ngày 07/01/2008: Nhận giấy đăng ký kinh doanh sáp nhập Công ty Cổ phần Hoàng Quỳnh vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bình Tây, thành lập chi nhánh Nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh.

Ngày 01/04/2008: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây sáp nhập chính thức hoạt động, với 2 nhà máy đặt tại quận Bình Tân (TP.HCM) và huyện Dĩ An (Bình Dương).

2017

Ngày 12/01/2017: Khởi công xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp với công suất ban đầu 50 triệu lít/năm.

Ngày 23/12/2017: Nhà máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp thực hiện thành công chiết mẻ bia Sagota đầu tiên.

2014

Tháng 09/2014: Công ty chuyển trụ sở chính về Sagota Tower, Số 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 10/2014: Lô bia Sagota đầu tiên được xuất khẩu, đánh dấu sự vươn lên của Bia Sagota ra thị trường thế giới.

2013

Ngày 24/04/2013: Bia Sagota được Hiệp hội Du lịch Việt Nam quyết định ban hành nhãn hiệu “Bia của Du lịch Việt Nam”.

2012

Ngày 26/04/2012: Công ty chính thức giới thiệu sản phẩm Bia Sagota đến người tiêu dùng Việt Nam.

2018

Ngày 09/07/2018: Sau 1 năm thực hiện các thủ tục sáp nhập, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận chính thức sáp nhập vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây, chuyển đổi thành Công ty con với vốn sở hữu 100%.

Ngày 14/08/2018: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (SABIBECO GROUP) với 5 nhà máy thành viên, tổng công suất sản xuất đạt 510 triệu lít bia/năm, gồm:

- » Nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh (Quận Bình Tân, TP.HCM)
- » Nhà máy Bia Sài Gòn - Bình Dương (Thành phố Dĩ An, Bình Dương)
- » Nhà máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp (Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp)
- » Nhà máy Bia Sài Gòn - Ninh Thuận (Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm, Ninh Thuận)
- » Nhà máy Bia Sài Gòn - Phú Lý (Thành phố Phú Lý, Hà Nam)

2023

Ngày 08/09/2023, Công ty đã được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 14/2023/GCNCP-VSDC với mã chứng khoán SBB. Số lượng chứng khoán đăng ký là 87.524.536 cổ phiếu.

Ngày 05/12/2023 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây vào giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2024

Tháng 12/2024 SABECO thông báo chính thức mua lại SABIBECO với tỷ lệ sở hữu 65%.

2025

Tháng 01/2025, SABIBECO chính thức trở thành công ty con của SABECO.



## CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

Top 20 thương hiệu vàng Việt Nam.  
The Guide Awards 2013-2014.



2014

Giải thưởng World Beer Award bởi tổ chức World Drinks Awards (tại Anh)



2017

Giải thưởng World Beer Award (tại Anh)  
Giải Asia Beer Championship



2019

2013



Nhãn hiệu “Bia của Du lịch Việt Nam” bởi Hiệp hội Du lịch Việt Nam

2015



Giải thưởng Thương hiệu đồ uống được ưa chuộng nhất Việt Nam.

2018



Giải thưởng World Beer Award bởi tổ chức World Drinks Awards (tại Anh)

2020



Top 10 Công ty uy tín ngành Thực phẩm - Đồ uống năm 2020



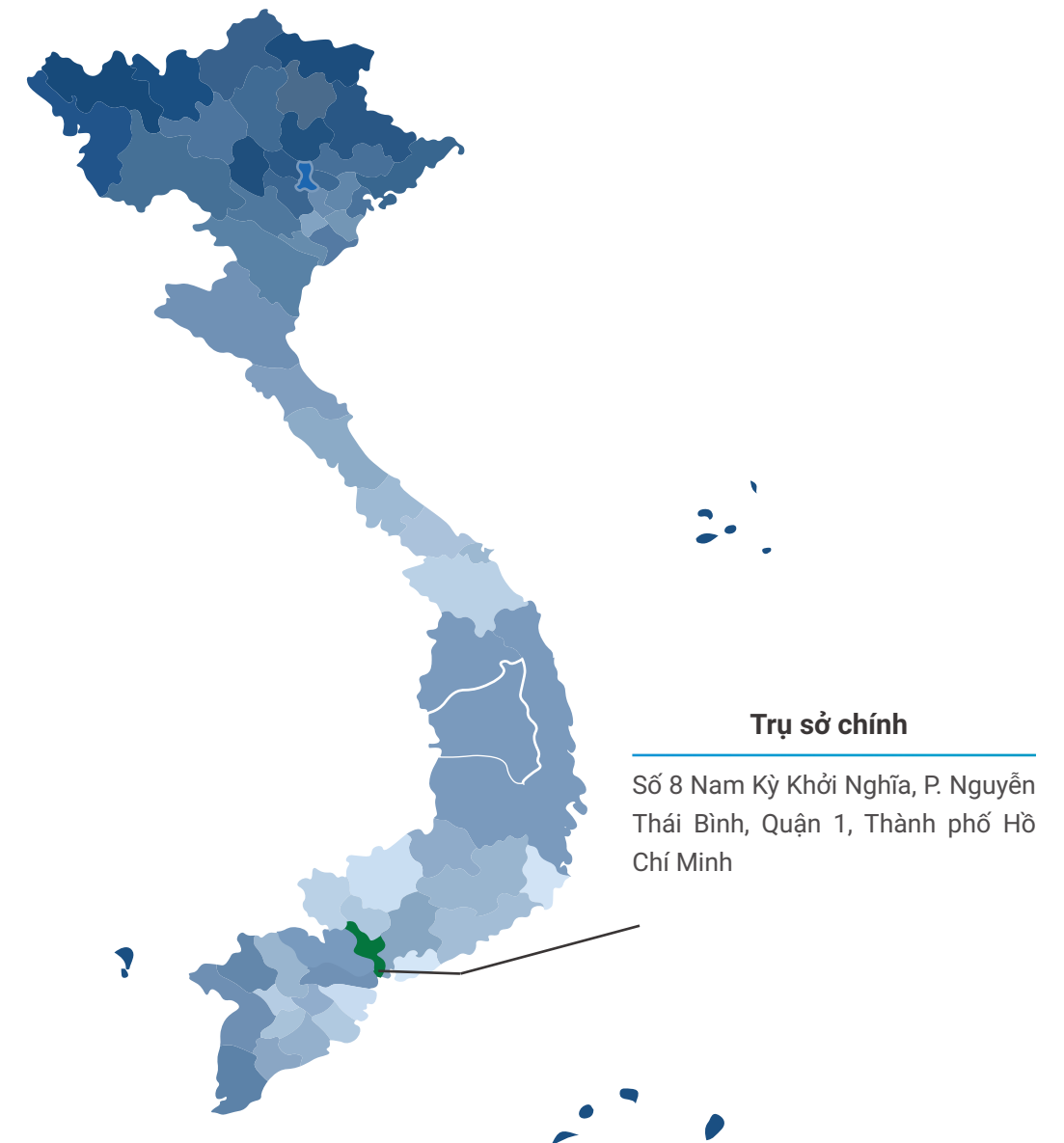


### Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1078	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
<b>1103 (Chính)</b>	Sản xuất bia và mạch nha ủ bia
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
4633	Bán buôn đồ uống
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

### Địa bàn kinh doanh

Sagota - tên gọi mang đậm dấu ấn Sài Gòn và Việt Nam - là thương hiệu bia ra đời năm 2012, tự tin cạnh tranh với các nhãn hiệu bia ngoại tràn ngập thị trường. Hiện nay, Sagota đã có mặt ở hàng nghìn điểm bán trên khắp 63 tỉnh thành, với nhiều dòng bia đa dạng và chất lượng, trong đó có 3 dòng bia được vinh danh là Bia ngon của thế giới: Sagota Pure và Sagota Lager. Ngoài ra, Sagota còn có các dòng bia khác như Sagota không cồn, Sagota Light, Sagota Gold và Sagota Premium. Sagota không chỉ phát triển trong nước mà còn vươn xa ra thế giới. Từ tháng 10/2014, Sagota đến nay đã xuất khẩu sang nhiều quốc gia như Campuchia, Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Philippines, Hàn Quốc, Nhật Bản, ...





# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Mô hình quản trị

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:



### Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện cổ đông được ủy quyền, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.



### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



### Ban Kiểm soát

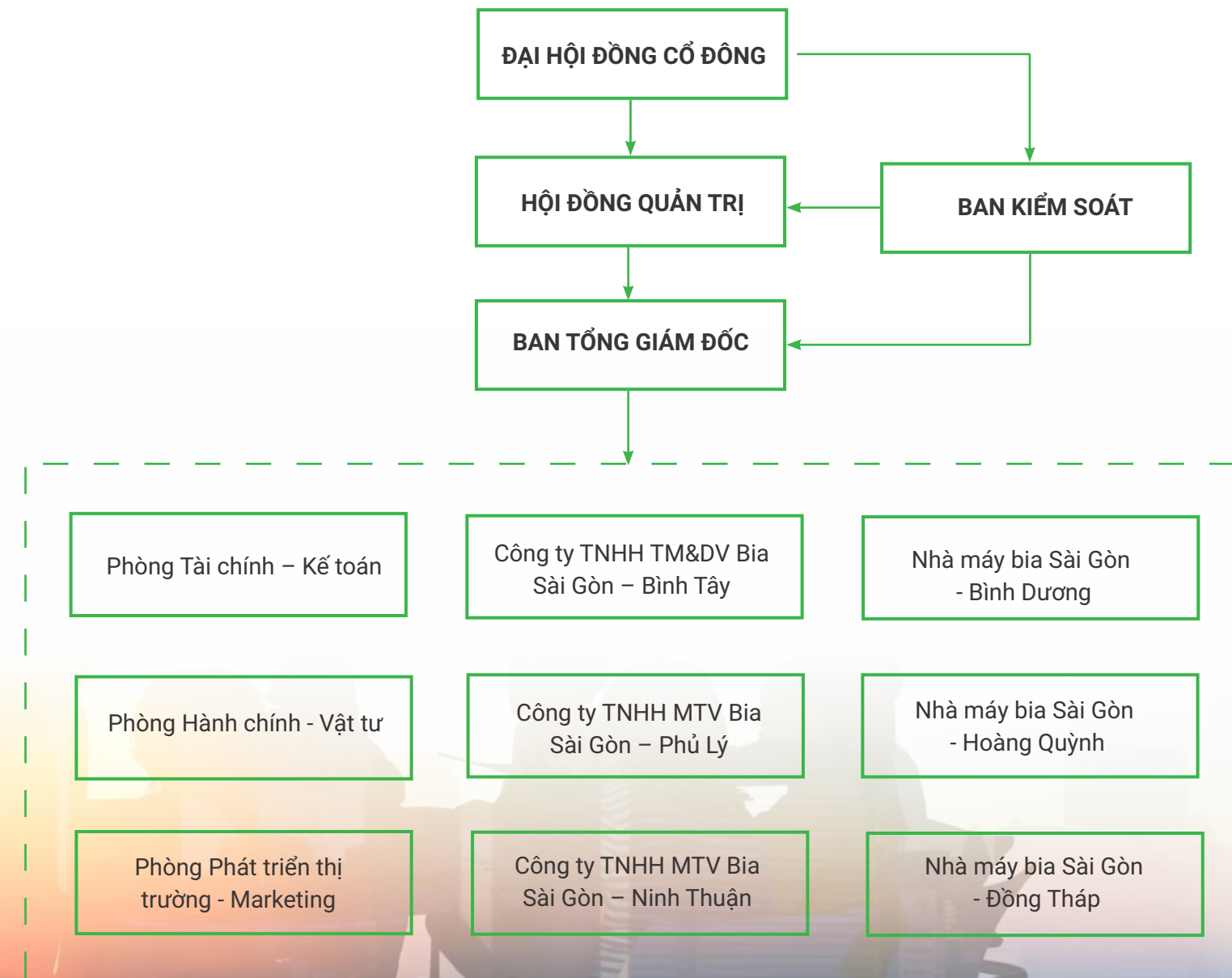
Ban kiểm soát gồm 3 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.



### Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc (BTGD) của Công ty gồm có Tổng Giám đốc (TGD) và Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận nghiệp vụ.

## Cơ cấu bộ máy quản lý





# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Công ty con, Công ty liên kết

STT	Công ty con trực tiếp của SABIBECO
-----	------------------------------------

### Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn - Bình Tây

- 1
  - Ngày thành lập: 28/06/2010
  - GCN ĐKDN: Số 0310085571 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 28/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 01/07/2020.
  - Địa chỉ: Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
  - Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và dịch vụ nhà hàng
  - Vốn điều lệ đăng ký: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
  - Vốn điều lệ thực góp: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
  - Tỷ lệ sở hữu của SABIBECO tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây: 100,00%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết của SABIBECO tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây: 100,00%

### Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận

- 2
  - Ngày thành lập: 05/06/2012
  - GCN ĐKDN: Số 4500524418 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 05/06/2012 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 06/03/2024
  - Địa chỉ: KCN Thành Hải, Xã Thành Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
  - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất các loại bia
  - Vốn điều lệ đăng ký: 193.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi ba tỷ đồng)
  - Vốn điều lệ thực góp: 193.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi ba tỷ đồng)
  - Tỷ lệ sở hữu của SABIBECO tại Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận: 100,00%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết của SABIBECO tại Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận: 100,00%

STT	Công ty con trực tiếp của SABIBECO
-----	------------------------------------

### Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý

- 3
  - Ngày thành lập: 05/06/2007
  - GCN ĐKDN: Số 0700249225 do Sở KH&ĐT tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 05/06/2007 đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 19/10/2018
  - Địa chỉ: 104-106 Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
  - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất các loại bia
  - Vốn điều lệ đăng ký: 164.383.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bốn tỷ ba trăm tám mươi ba triệu đồng)
  - Vốn điều lệ thực góp: 164.383.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bốn tỷ ba trăm tám mươi ba triệu đồng)
  - Tỷ lệ sở hữu của SABIBECO tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý: 100,00%







# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Công ty con, Công ty liên kết

STT	Công ty liên kết
1	<p><b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>Ngày thành lập: 04/01/2007</li><li>GCN ĐKDN: Số 2900788281 do Sở KH&amp;ĐT tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 04/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 24/01/2025</li><li>Địa chỉ: Đường D1, KCN Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam</li><li>Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì</li><li>Vốn điều lệ đăng ký: 560.892.510.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, năm trăm mười nghìn đồng)</li><li>Vốn điều lệ thực góp: 560.892.510.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, năm trăm mười nghìn đồng)</li><li>Tỷ lệ sở hữu của SABIBECO tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn: 18,46%</li><li>Tỷ lệ quyền biểu quyết của SABIBECO tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn: 20,01%</li></ul>
2	<p><b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>Ngày thành lập: 21/06/2017</li><li>GCN ĐKDN: Số 3603472368 do Sở KH&amp;ĐT tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 21/06/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 22/08/2022</li><li>Địa chỉ: Đường số 7, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam</li><li>Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất các loại bia</li><li>Vốn điều lệ đăng ký: 198.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng)</li><li>Vốn điều lệ thực góp: 198.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng)</li><li>Tỷ lệ sở hữu của SABIBECO tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Long Khánh: 20,20%</li><li>Tỷ lệ quyền biểu quyết của SABIBECO tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Long Khánh: 20,20%</li></ul>







## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ✓ Công ty tiếp tục kiên định mục tiêu giữ vững vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất bia và đồ uống có cồn uy tín, hàng đầu tại Việt Nam. Công ty tập trung củng cố và phát triển hệ thống phân phối, đồng thời nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm mới phù hợp với xu hướng thị trường và thị hiếu của người tiêu dùng. Song song đó, Công ty tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, gia tăng sản lượng xuất khẩu và khẳng định thương hiệu tại thị trường quốc tế.
- ✓ Công ty cũng tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển công nghệ sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và tối ưu hóa chi phí. Bên cạnh đó việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, chỉ tiêu từ Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) cũng là mục tiêu quan trọng khi sản xuất gia công các loại Bia Sài Gòn. Công tác quản lý sản xuất tiếp tục được siết chặt, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và giảm thiểu tối đa các rủi ro trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối.
- ✓ Để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới, Công ty tập trung hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả. Công ty không ngừng củng cố, nâng cao năng lực bộ máy quản lý, hoàn thiện các quy trình quản trị doanh nghiệp nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tài chính, quản trị rủi ro và kiểm soát chi phí.
- ✓ Ngoài ra, Công ty hướng đến mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, bền vững, mang lại lợi ích dài hạn cho các cổ đông và nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty xây dựng chính sách thu nhập ổn định, chế độ đãi ngộ phù hợp, công bằng và cạnh tranh cho toàn thể cán bộ, công nhân viên, tạo động lực gắn kết và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

#### Bảo đảm sự phát triển bền vững và ổn định cho Công ty bằng việc:

- » Trở thành Công ty sản xuất bia có trách nhiệm, tham gia sản xuất các thương hiệu bia SABECO và Sagota nhằm phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng.
- » Tiếp tục tối ưu hóa năng lực sản xuất tại các nhà máy của SABIBECO thông qua hoạt động gia công sản xuất/đóng gói và phục vụ xuất khẩu.
- » Áp dụng các chính sách quản lý chất lượng và thực hành quản lý chi phí nhằm đạt được hiệu quả vận hành và tài chính, hướng đến tăng trưởng doanh thu bền vững cho Công ty.
- » Giảm thiểu phát thải thông qua việc sử dụng năng lượng tái tạo và tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
- » Thúc đẩy sự gắn kết của người lao động bằng cách tạo ra cơ hội học tập, đổi mới sáng tạo trong môi trường làm việc thân thiện.
- » Tích cực tham gia các hoạt động xã hội để trở thành một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng.







## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu đối với cộng đồng, xã hội và môi trường

#### Đối với môi trường

- » Không ngừng hoàn thiện và cải tiến, áp dụng công nghệ mới nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường. Tại các Nhà máy sản xuất, các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, phong cách thiết kế luôn hướng tới nhà máy sản xuất xanh, sạch đẹp.
- » Đã sử dụng hệ thống điện mặt trời tại các nhà máy, nhằm góp phần giữ gìn nguồn tài nguyên không tái tạo cũng như tiết giảm chi phí.
- » Duy trì và phát triển việc sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu tự nhiên (sử dụng lò hơi đốt bằng trấu/vụn gỗ thay cho dầu FO) nhằm tiết kiệm chi phí và hạn chế chất thải có hại ra môi trường.
- » Không sử dụng các thiết bị làm lạnh sử dụng CFC làm ảnh hưởng tới tầng Ozone.
- » Hệ thống xử lý nước thải với công nghệ hiện đại, đầu tư thiết bị quan trắc nước thải tự động, đảm bảo nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn loại A theo quy định. Đảm bảo thực hiện chương trình giám sát định kỳ môi trường và đo đạc các chỉ tiêu môi trường đầy đủ theo quy định.
- » Men thải được tái chế làm thức ăn gia súc, tiết kiệm chi phí xử lý hơn.
- » Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát môi trường, kịp thời có biện pháp xử lý nhằm bảo đảm môi trường sản xuất.

#### Đối với cộng đồng, xã hội

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tích cực trong các hoạt động xã hội, đóng góp hỗ trợ đồng bào lũ lụt Miền Trung, ủng hộ “Tết vì người nghèo” tại địa phương nơi đặt Nhà máy chi nhánh, ...







## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Trong năm 2024, theo các dự báo tăng trưởng từ các tổ chức quốc tế, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều bất ổn. Các tổ chức như OECD, IMF và EU dự báo tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 3,2%, trong khi Fitch Rating (FR) dự báo 2,8% và Liên Hợp Quốc (UN) dự báo 2,7%. Sự tăng trưởng được hỗ trợ bởi thương mại toàn cầu ổn định, lạm phát giảm và thị trường lao động bớt căng thẳng, nhưng vẫn bị đe dọa bởi các rủi ro như căng thẳng địa chính trị, xung đột, bất ổn xã hội, biến động giá hàng hóa và các vấn đề về nợ công.

Năm 2024 đã khép lại với nhiều kết quả tích cực khi GDP Việt Nam tăng trưởng 7,09%, cao hơn so với mục tiêu đề ra. Các điều kiện kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới 4%, đầu tư công được thúc đẩy và dòng vốn FDI tiếp tục tăng trưởng tốt.

Hiện nay, bất chấp những khó khăn trong thương mại toàn cầu, Việt Nam vẫn khẳng định cam kết đạt được tốc độ tăng trưởng GDP từ 8% trở lên trong năm 2025, với trọng tâm là duy trì ổn định và tái cơ cấu nền kinh tế vĩ mô. Trước chính sách thuế mới của Mỹ, Việt Nam đang chuẩn bị triển khai các chiến lược thương mại hiệu quả và huy động các nguồn lực phục hồi kinh tế mới để vượt qua những thách thức phía trước.

Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây xác định rằng cần thiết phải tiếp tục theo dõi sát diễn biến kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời xây dựng các kịch bản quản trị rủi ro phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả.

### Rủi ro tỷ giá hối đoái

Trong năm 2025, rủi ro tỷ giá đối với SABIBECO được dự báo sẽ tiếp tục ở mức cao do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) duy trì lãi suất ở mức cao trong phần lớn thời gian của năm và chỉ được kỳ vọng giảm nhẹ vào cuối năm. Nếu căng thẳng thương mại Mỹ - Trung kéo dài, khả năng đồng Nhân dân tệ mất giá có thể gây áp lực khiến đồng Việt Nam cũng phải điều chỉnh giảm để duy trì năng lực cạnh tranh thương mại. Công ty sẽ cần chủ động theo dõi sát diễn biến tỷ giá và xây dựng các kịch bản ứng phó linh hoạt, bao gồm đàm phán các điều khoản thanh toán với nhà cung cấp và xem xét sử dụng các công cụ bảo hiểm rủi ro tỷ giá nhằm bảo vệ biên lợi nhuận trước những biến động khó lường từ thị trường tài chính quốc tế.



### Rủi ro môi trường

Môi trường ngày càng trở thành vấn đề quan trọng, thu hút sự quan tâm của xã hội. SABIBECO hoạt động trong ngành sản xuất bia và đồ uống có cồn, phải đối mặt với một số rủi ro môi trường chính, bao gồm:

- » Biến đổi khí hậu và thiên tai có thể ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu, đặc biệt là việc cung cấp nước, một yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất bia. Thời tiết cực đoan cũng có thể tác động đến tiến độ sản xuất và vận hành của Công ty. Để đối phó với các rủi ro này, SABIBECO cần đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguồn nước hiệu quả và xây dựng kế hoạch ứng phó rủi ro thiên tai để duy trì sự ổn định trong sản xuất.
- » Quá trình sản xuất bia và đóng gói sản phẩm có thể phát sinh khí thải CO<sub>2</sub> và chất thải công nghiệp từ các hoạt động như đun nóng, làm lạnh và xử lý nước thải. SABIBECO cần nâng cấp hệ thống xử lý khí thải và nước thải, đồng thời tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế như ISO 14001 để giảm thiểu rủi ro pháp lý và bảo vệ môi trường.







## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần tại Việt Nam và đang được giao dịch trên sàn UPCoM. Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Lao động, Luật Bảo vệ Môi trường,... Bên cạnh đó, Công ty còn phải tuân thủ các quy định pháp lý chuyên ngành trong lĩnh vực sản xuất bia và đồ uống có cồn, bao gồm các quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt, quản lý sản xuất thực phẩm, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn môi trường, tái chế và trách nhiệm thu gom, xử lý sản phẩm và bao bì sau sử dụng.

Các quy định pháp luật này có thể thay đổi và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là các quy định liên quan đến thuế, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. Mọi thay đổi trong hệ thống pháp luật đều có thể tác động lớn đến chi phí sản xuất, quy trình vận hành kinh doanh và thậm chí là khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường.

Với mục tiêu giảm thiểu rủi ro pháp lý và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của mình. Công ty cam kết tổ chức hoạt động kinh doanh theo hướng chủ động điều chỉnh kịp thời trước mọi thay đổi của pháp luật, đồng thời bảo vệ tài chính và uy tín của Công ty.

### Rủi ro cạnh tranh

Thị trường bia tại Việt Nam hiện đang chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt, không chỉ từ các doanh nghiệp trong nước mà còn từ các thương hiệu bia quốc tế đang có xu hướng mở rộng thị phần. Sự cạnh tranh này gây khó khăn cho SABIBECO trong việc duy trì và gia tăng thị phần. Trước áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, SABIBECO sẽ cần rà soát lại danh mục thương hiệu hiện có và tập trung phát triển các phân khúc thị trường có khả năng bổ trợ cho các thương hiệu của SABECO



### Rủi ro khác

Công ty định kỳ phải lường trước những rủi ro khó tránh khỏi như thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu. Mặc dù không xảy ra thường xuyên, những yếu tố này có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với tài sản, nguồn nhân lực và làm gián đoạn các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để giảm thiểu thiệt hại, Công ty chú trọng công tác phòng ngừa thông qua các biện pháp an toàn (phòng cháy chữa cháy, v.v.) và đào tạo nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng mua bảo hiểm để bồi thường thiệt hại trong các trường hợp xảy ra sự cố. Các biện pháp này không chỉ giúp nâng cao năng lực ứng phó với các tình huống bất ngờ mà còn đảm bảo tính ổn định và bền vững trong hoạt động của Công ty.



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 27. Tình hình hoạt động kinh doanh
- 33. Tổ chức và nhân sự
- 43. Tình hình tài chính
- 49. Cơ cấu cổ đông
- 52. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty







## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của SABIBECO là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Cụ thể, SABIBECO sản xuất gia công các dòng sản phẩm bia của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) như Saigon Lager. Ngoài ra, Công ty cũng sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mang thương hiệu riêng là bia Sagota các loại.

Hiện nay, SABIBECO có 3 nhà máy thành viên với tổng công suất đạt 270 triệu lít bia/năm, gồm: Nhà máy bia Sài Gòn – Hoàng Quỳnh (TP. HCM), Nhà máy bia Sài Gòn – Bình Dương (Tỉnh Bình Dương), Nhà máy bia Sài Gòn – Đồng Tháp (Tỉnh Đồng Tháp).

### Năng lực sản xuất của Công ty

STT	Nhà máy	Công suất thiết kế
1	Nhà máy bia Sài Gòn – Bình Dương	120 triệu lít/năm
2	Nhà máy bia Sài Gòn – Hoàng Quỳnh	100 triệu lít/năm
3	Nhà máy bia Sài Gòn – Đồng Tháp	50 triệu lít/năm
Tổng cộng		270 triệu lít/năm

Bên cạnh hoạt động truyền thống là sản xuất các nhãn hiệu bia Sài Gòn theo đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), từ năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây đã phát triển dòng sản phẩm bia mới mang thương hiệu Sagota – một dòng bia lon cao cấp, được chiết xuất từ lúa mạch và ngũ cốc, tốt cho sức khỏe, đặc biệt có hương vị nhẹ nhàng, êm dịu nhưng đậm đà.

Kể từ khi ra mắt sản phẩm mới vào tháng 4 năm 2012, bia Sagota đã được người tiêu dùng đón nhận tích cực thông qua hệ thống phân phối trải dài từ miền Bắc như Lào Cai, Hà Giang, Hà Nội đến miền Nam bao gồm An Giang, Kiên Giang, Cà Mau... và đã tạo được dấu ấn riêng với người tiêu dùng từ Bắc tới Nam. Năm 2014, thương hiệu Sagota tiếp tục ra mắt sản phẩm bia không cồn, tạo tiếng vang lớn trên thị trường.

Tháng 4 năm 2020, SABIBECO tiếp tục giới thiệu dòng sản phẩm Maltý – nước giải khát lúa mạch. Với sự kết hợp độc đáo giữa lúa mạch, hoa bia, nước trái cây tươi và vị ngọt từ cây cỏ ngọt (stevia), Maltý đã “thổi làn gió mới” vào thị trường nước giải khát trong nước, giúp người tiêu dùng có thêm lựa chọn phong phú.

Sau quá trình nghiên cứu và phát triển, các sản phẩm mang thương hiệu Sagota với các dòng chủ lực như: Sagota Gold, Sagota Lager, Sagota Pure và Sagota không cồn đã nhanh chóng chiếm được lòng tin của người tiêu dùng và được Hiệp hội Du lịch Việt Nam bình chọn là “Bia của Du lịch Việt Nam”.







## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng				
STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%2024/2023
1	Doanh thu thuần	2.020,19	2.180,31	107,93%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(212.344)	(140.514)	-
3	Lợi nhuận khác	(118.541)	(112.223)	-
4	Lợi nhuận trước thuế	(330.885)	(252.737)	-
5	Lợi nhuận sau thuế	(389.439)	(306.752)	-

Trong năm 2024, doanh thu thuần của Công ty đạt 2.180,31 tỷ đồng, tăng 7,93% so với năm 2023. Mặc dù ghi nhận mức tăng nhẹ, nhưng đây không phải là mức tăng trưởng ấn tượng so với kỳ vọng. Hoạt động kinh doanh vẫn duy trì được dòng tiền từ hoạt động cốt lõi, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng doanh thu đang có dấu hiệu chững lại.

Nguyên nhân chính dẫn đến sự chậm lại trong tăng trưởng doanh thu được cho là do sự sụt giảm trong nhu cầu tiêu thụ, bắt nguồn từ Nghị định 168 do Chính phủ ban hành, quy định các chế tài nghiêm khắc đối với người điều khiển phương tiện giao thông có sử dụng rượu bia. Quy định này đã làm thay đổi rõ rệt thói quen tiêu dùng bia của khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng tiêu dùng tại nhà hàng, quán ăn và các kênh dịch vụ ăn uống ngoài gia đình.

Trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, thu nhập người dân thắt chặt, người tiêu dùng có xu hướng cắt giảm chi tiêu cho các mặt hàng không thiết yếu như đồ uống có cồn, ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2024 tiếp tục chịu ảnh hưởng từ những thách thức của thị trường. Trước nhu cầu giảm và đầu ra gặp khó khăn, doanh nghiệp đã chủ động điều chỉnh sản lượng sản xuất nhằm tối ưu hóa vận hành. Mặc dù chưa thể khai thác hết công suất thiết kế, đây là bước đi cần thiết để quản lý chi phí hiệu quả hơn, đồng thời tạo tiền đề cho việc tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.







## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Cơ cấu doanh thu thuần

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2023		%2024/2023
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán thành phẩm	1.577,97	72,37%	1.929,53	95,51%	81,78%
2	Doanh thu bán hàng hóa	493,98	22,66%	64,26	3,18%	768,72%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	101,60	4,66%	17,07	0,85%	595,12%
4	Doanh thu khác	6,76	0,31%	9,33	0,46%	72,42%
Tổng cộng		2.180,31	100%	2.020,19	100%	107,93%

Năm 2024, doanh thu bán thành phẩm tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu, đạt 1.577,97 tỷ đồng, tương đương 81,78% so với kết quả thực hiện năm 2023. Thành phẩm (chủ yếu là bia) vẫn là nguồn thu chính, chiếm 72,37% tổng doanh thu. Mặc dù duy trì tỷ trọng đáng kể, nhưng tốc độ tăng trưởng doanh thu từ mặt hàng này khá khiêm tốn. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu thị trường trong ngành bia đang có dấu hiệu sụt giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiêu thụ sản phẩm.





Ban điều hành

Tính đến ngày 04/03/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lee Chio Lim Larry	Tổng giám đốc	-	-
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng giám đốc	-	-
3	Bà Nguyễn Thị Hiếu	Kế toán trưởng	62.879	0,07%



Lý lịch Ban điều hành

Ông Lee Chio Lim Larry  
Tổng giám đốc

- » Họ tên: Lee Chio Lim Larry
- » Giới tính: Nam
- » Ngày tháng năm sinh: 03/07/1963
- » Nơi sinh: Singapore
- » Quốc tịch: Singapore
- » Trình độ chuyên môn:
  - Cử nhân Khoa học Xã hội, Trường Đại học Quốc gia Singapore
  - Heineken Leadership Campus, INSEAD, Fontainebleau, Pháp
  - Heineken Leadership Campus, Đại học Harvard, Boston, Mỹ
- » Quá trình công tác:

Đơn vị công tác
Chuyên gia cao cấp, Công ty TNHH Vietnam Beverage
Giám đốc điều hành (Dự án chiến lược), BeerCo Limited
Giám đốc điều hành, Thai Asia Pacific Brewery Co., Ltd
Tổng Giám đốc, Asia Pacific Brewery (Hà Nội) Limited
Quản lý Thương mại trước khi được bổ nhiệm Tổng Giám đốc của 2 nhà máy tại Đà Nẵng và Quảng Nam/ Giám đốc của Vietnam Brewery Limited (Quảng Nam), Vietnam Brewery Limited
Trợ lý Trưởng phòng (Nhóm Thương mại), Asia Pacific Breweries Ltd



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Lý lịch Ban điều hành (tiếp theo)

**Ông Lee Chio Lim Larry**

**Tổng giám đốc**

» Quá trình công tác:

Đơn vị công tác
Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Heineken – APB One China Organization
Giám đốc điều hành, Heineken Trading (Shanghai) Co., Ltd
Quản lý Thương mại trước khi được bổ nhiệm Trưởng phòng Quản lý Logistics và Phân phối, Heineken Far East Pte Ltd
Trưởng phòng Quản lý Xuất khẩu Khu vực, Heineken Brouwerijen B.V
Trưởng phòng Quản lý Xuất khẩu Khu vực
Trưởng phòng Quản lý Xuất khẩu Khu vực, Heineken Brouwerijen B.V
Trưởng phòng Marketing, South Pacific Holding (PNG) Ltd
Quản lý thương hiệu, Asia Pacific Breweries (Singapore) Pte Ltd
Nhân viên hành chính, Bộ Ngoại giao Singapore

» **Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Không có

» **Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:**

- Cổ phần sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

» **Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty:** Không có

**Ông Nguyễn Mạnh Hùng**

**Phó Tổng giám đốc**

- » Họ tên: Nguyễn Mạnh Hùng
- » Giới tính: Nam
- » Ngày tháng năm sinh: 25/08/1966
- » Nơi sinh: Quảng Ngãi
- » Quốc tịch: Việt Nam
- » Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa
- » Quá trình công tác:

Đơn vị công tác
Công tác tại Nhà máy Bia Dung Quất – Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
Công tác tại Nhà máy Bia Phương Nam – Công ty Cổ phần Hoàng Quỳnh
Công tác tại Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn
Phó giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Bình Dương – Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây
Phó giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Hoàng Quỳnh - Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây, sau đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

» **Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Không có

» **Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:**

- Cổ phần sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

» **Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty:** Không có





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Lý lịch Ban điều hành (tiếp theo)

**Bà Nguyễn Thị Hiếu**

**Kế toán trưởng**

- » Họ tên: Nguyễn Thị Hiếu
- » Giới tính: Nữ
- » Ngày tháng năm sinh: 28/08/1964
- » Nơi sinh: Nghệ An
- » Quốc tịch: Việt Nam
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- » Quá trình công tác:

#### Đơn vị công tác

Kế toán, Phó phòng kế hoạch tại Công ty Công trình đô thị Quận 1, TP.HCM

Kế toán Ngân hàng Chính sách Xã hội TP.HCM, Chi nhánh Gò Vấp

Kế toán, kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây, nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao bì SABECO Sông Lam, nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn

- » **Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Thành viên BKS Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn
- » **Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:**
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 62.879 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
  - Cổ phần đại diện sở hữu: Không có
- » **Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty:** Không có.





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách thay đổi Ban điều hành trong năm 2024 và đầu năm 2025

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban điều hành	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Huy Cảnh	Tổng Giám đốc	-	01/03/2025
2	Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	-	01/03/2025
3	Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	-	01/03/2025
4	Ông Lee Chio Lim Larry	Tổng giám đốc	01/03/2025	-

### Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	316	304	291
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	7,9	7,9	9,1

### Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>291</b>	<b>100,00%</b>
1	Trên Đại học	7	2,41
2	Đại học và Cao đẳng	130	44,67
3	Trung cấp	36	12,37
4	Công nhân kỹ thuật	63	21,65
5	Lao động phổ thông	55	18,9
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>291</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	259	89
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	1	0,34
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	31	10,65
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>291</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	217	74,6
2	Nữ	74	25,5





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Chính sách nhân sự

#### Về tuyển dụng

Với quan điểm “nguồn nhân lực là tài sản quan trọng để duy trì và phát triển bền vững”, SABIBECO luôn chú trọng thu hút nhân tài nhằm tối ưu hiệu quả công việc và đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển của Công ty.

Trong quá trình tuyển dụng, SABIBECO không chỉ tập trung lựa chọn ứng viên có chuyên môn phù hợp mà còn đặc biệt đề cao các phẩm chất ứng xử như sự thận trọng, tinh thần trách nhiệm và khả năng làm việc nhóm. Công ty ưu tiên các ứng viên có tư duy học hỏi nhanh, đam mê với công việc và có khả năng đóng góp vào sự phát triển chung của SABIBECO.

#### Về đào tạo

Nguồn nhân lực chất lượng là yếu tố then chốt cho hoạt động và sự phát triển dài hạn của Công ty. Ban lãnh đạo định kỳ tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp cho người lao động. Hằng năm, Công ty cử nhân sự tham gia các chương trình đào tạo theo yêu cầu công việc nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn phù hợp với từng vị trí, đảm bảo nhân sự hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, huấn luyện và nâng cao kỹ năng đều do Công ty chi trả.



#### Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Công ty luôn bảo đảm việc làm ổn định và không ngừng cải thiện thu nhập cho người lao động. Toàn thể cán bộ công nhân viên được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật. Công tác an toàn, vệ sinh lao động và một môi trường làm việc phù hợp luôn được duy trì trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh.

#### Về môi trường làm việc

SABIBECO hướng đến xây dựng một môi trường làm việc hiện đại, năng động và sáng tạo. Công ty đầu tư vào cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại nhằm hỗ trợ tối đa yêu cầu công việc của các phòng ban. Máy móc, thiết bị sản xuất được bảo trì, nâng cấp thường xuyên, giúp người lao động làm việc trong điều kiện tối ưu và đạt hiệu quả cao nhất. Điều này không chỉ giúp Công ty nâng cao năng suất lao động mà còn cải thiện chất lượng sản phẩm, từ đó đóng góp vào sự phát triển bền vững và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

SABIBECO đặc biệt chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp minh bạch và cởi mở. Môi trường làm việc tại Công ty được định hướng đến sự thân thiện và phát triển dựa trên nền tảng tôn trọng lẫn nhau. Công ty khuyến khích nhân viên giao tiếp trực tiếp và xây dựng các kênh trao đổi thông tin hiệu quả để đảm bảo sự minh bạch trong các hoạt động và ra quyết định. Các cuộc họp định kỳ và các buổi giao lưu nội bộ cũng được tổ chức thường xuyên nhằm tăng cường sự gắn kết giữa các bộ phận và đội ngũ lãnh đạo các cấp.

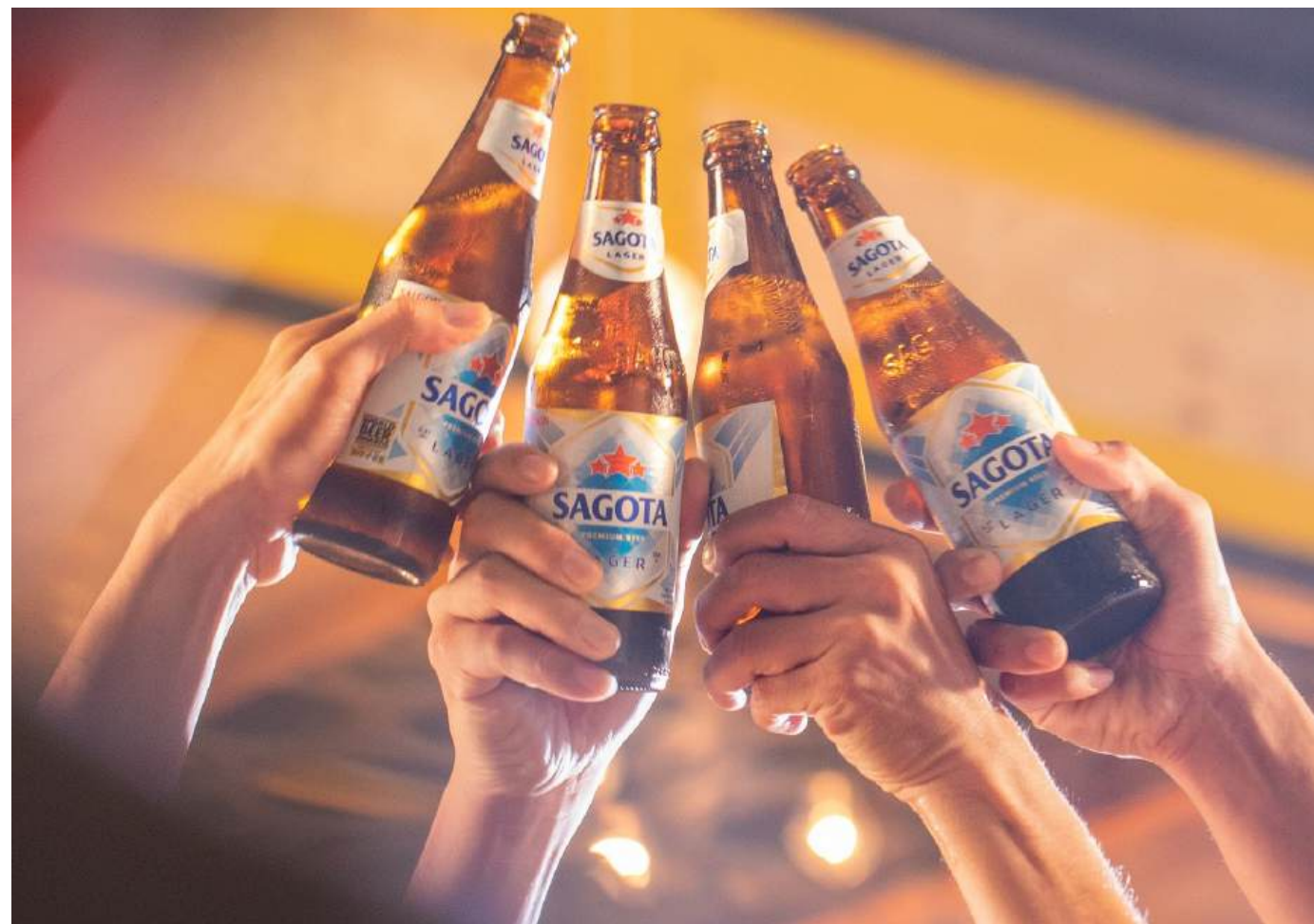






## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Không có



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% 2024/2023
Tổng giá trị tài sản	2.107.158	2.612.324	80,66%
Doanh thu thuần	2.180,31	2.020,19	107,93%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(140.514)	(212.344)	-
Lợi nhuận khác	(112.223)	(118.541)	-
Lợi nhuận trước thuế	(252.737)	(330.885)	-
Lợi nhuận sau thuế	(306.752)	(389.439)	-





Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,87	0,92
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,53	0,59
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,20	41,51
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	85,89	70,98
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,71	5,34
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,92	0,72
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-	-





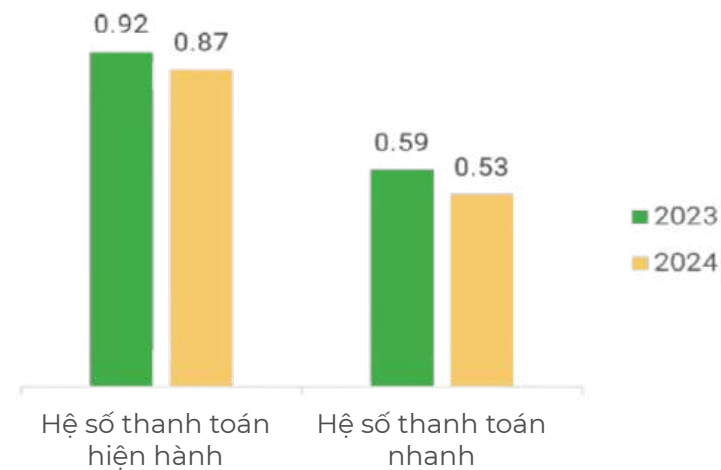


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Các chỉ tiêu tài chính (tiếp theo)



#### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Trong năm 2024, hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh của Công ty có sự sụt giảm nhẹ, lần lượt từ 0,92 xuống 0,87 và từ 0,59 xuống 0,53. Đây là kết quả của các quyết định chiến lược nhằm bảo vệ lợi ích dài hạn và đảm bảo sự ổn định tài chính vững chắc cho Công ty. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm này là do việc trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, dẫn đến khoản dự phòng tăng thêm 120 tỷ đồng (từ 127 tỷ đồng lên 247 tỷ đồng).

Mặc dù hệ số thanh toán có giảm, doanh nghiệp vẫn duy trì được mức thanh khoản ổn định, cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn trong các tình huống bất ngờ. Việc sụt giảm này cũng phản ánh rằng Công ty đang thực hiện tái cấu trúc các khoản phải thu và củng cố chính sách tín dụng, nhằm tối ưu hóa dòng tiền và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong dài hạn.

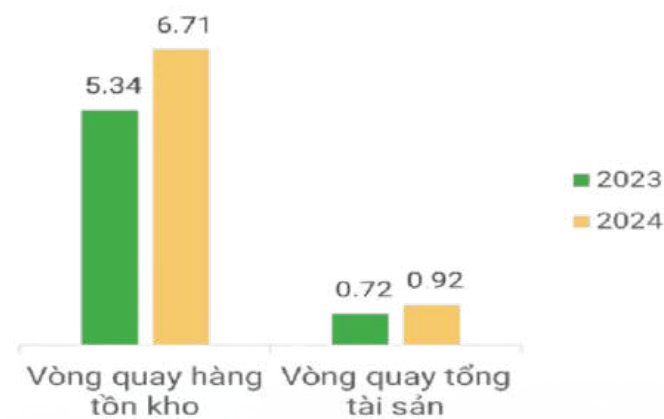


#### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2024, các chỉ số hiệu quả hoạt động của SABIBECO ghi nhận một số cải thiện nhất định, thể hiện qua việc vòng quay hàng tồn kho tăng từ 5,34 lần lên 6,71 lần, cho thấy tốc độ luân chuyển hàng hóa nhanh hơn. Điều này đã giúp Công ty giảm thiểu chi phí lưu kho, tăng dòng tiền, giảm rủi ro tài chính và kiểm soát tốt hơn quy trình sản xuất cũng như quản lý tồn kho phù hợp với mô hình sản xuất.

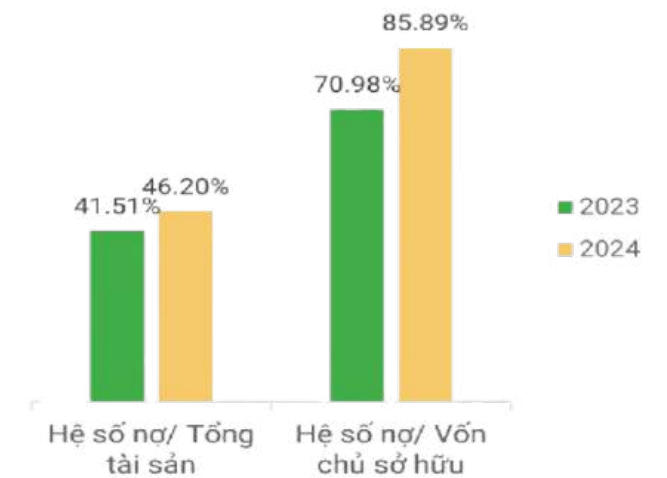
Công ty cũng đã thận trọng trích lập dự phòng cho

các khoản phải thu khó đòi nhằm đảm bảo khả năng thu hồi công nợ, dẫn đến tổng tài sản ngắn hạn giảm tương ứng. Bên cạnh đó, hệ số quay vòng tổng tài sản cũng tăng từ 0,72 lần lên 0,92 lần, phản ánh việc sử dụng tài sản hiệu quả hơn. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng sự sụt giảm đáng kể về tổng tài sản trong năm chủ yếu đến từ việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi, giảm đầu tư vào các công ty con và việc giảm giá trị đầu tư vào công ty liên kết. Do đó, việc tăng hệ số vòng quay tài sản phần nào phản ánh sự thu hẹp quy mô tài sản hơn là sự cải thiện thực sự trong hiệu quả hoạt động.



#### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2024, hệ số Nợ/Tổng tài sản của SABIBECO ghi nhận mức tăng từ 41,51% lên 46,20%, cho thấy doanh nghiệp đang chủ động điều chỉnh cơ cấu tài sản và nợ phải trả để thích ứng với bối cảnh thị trường. Trong năm, SABIBECO đã thực hiện trích lập dự phòng một cách kịp thời và minh bạch cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi. Việc này đảm bảo tính minh bạch về chất lượng tài sản, dù đi kèm việc quy mô tài sản ngắn hạn bị thu hẹp. Bên cạnh đó, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được cơ cấu lại từ 324,7 tỷ đồng xuống 186,6 tỷ đồng, phản ánh xu hướng tập trung hơn vào danh mục đầu tư mang tính ổn định.



Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 70,98% lên 85,89%, phản ánh quá trình tái cấu trúc nguồn vốn trước áp lực cạnh tranh. SABIBECO ghi nhận kết quả kinh doanh gặp khó khăn trong ngắn hạn khi thị trường bia thu hẹp dưới tác động của Nghị định 168, dẫn đến sản lượng tiêu thụ giảm. Đồng thời, việc ghi nhận kịp thời chi phí dự phòng và lỗ kinh doanh cũng cho thấy SABIBECO sẵn sàng đối diện với thách thức, bảo đảm bức tranh tài chính rõ ràng, làm nền tảng cho các kế hoạch tái cơ cấu và phát triển bền vững trong tương lai.



Cổ phần

- » Tên Cổ phiếu: SBB

» Tổng số cổ phiếu thường: 87.524.536 cổ phiếu.

» Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 87.524.536 cổ phiếu

» Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

» Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- » Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

» Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

» Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

» Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

» Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 03/02/2025

STT	Loại cổ đông	Số cổ phiếu	Tỉ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	87.511.436	99,99%
1	Cổ đông nhà nước	-	-
2	Cổ đông tổ chức	58.508.506	66,85%
3	Cổ đông cá nhân	29.002.930	33,14%
II	Cổ đông nước ngoài	13.100	0,01%
1	Cá nhân	13.100	0,01%
2	Tổ chức	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-
Tổng cộng		87.524.536	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%



“Cứ vậy thôi... gắn bó với Sagota  
lúc nào không hay biết”



NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG ĐƯỢC LƯỢT RƯỢI BIA





Danh sách cổ đông lớn

Tính tại ngày 03/02/2025

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	52.187.200	59,63%
2	Công Ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5.520.000	6,31%



Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

**Phát thải trực tiếp:** Hoạt động kinh doanh chính của SABIBECO bao gồm sản xuất và cung cấp bia, cùng với các quy trình sản xuất, đóng gói và phân phối. Công ty xem việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững. SABIBECO chủ động kiểm soát lượng khí CO<sub>2</sub> phát thải từ các quy trình sản xuất và vận chuyển. Công ty đang từng bước chuyển đổi từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang các thiết bị sử dụng điện và năng lượng tái tạo nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

**Phát thải gián tiếp:** Quá trình sản xuất và vận chuyển nguyên vật liệu, đặc biệt là nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài, cũng góp phần gây ra hiệu ứng nhà kính. Nhận thức rõ tính cấp thiết của vấn đề này, SABIBECO đã triển khai nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, bao gồm: tối ưu hóa khoảng cách vận chuyển nguyên vật liệu để giảm tiêu thụ nhiên liệu; thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường và hợp tác với các nhà cung cấp xanh – những đơn vị cam kết phát triển bền vững. Công ty cũng khuyến khích cán bộ công nhân viên đề xuất các sáng kiến đổi mới nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính và giảm thiểu tác động đến môi trường.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ quy trình sản xuất của SABIBECO, đặc biệt đối với ngành công nghiệp đồ uống. Việc quản lý nguyên vật liệu hiệu quả là yếu tố quyết định chất lượng sản phẩm, chi phí sản xuất và năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường. Quản lý rủi ro liên quan đến nguyên vật liệu là nhiệm vụ quan trọng nhằm đảm bảo tính ổn định và bền vững trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của SABIBECO. Để giảm thiểu rủi ro nguyên vật liệu, Hội đồng Quản trị Công ty định hướng thực hiện các giải pháp sau:

- » Đa dạng hóa nhà cung cấp: SABIBECO nỗ lực đảm bảo sự linh hoạt trong việc lựa chọn và hợp tác với nhiều nhà cung cấp nguyên vật liệu khác nhau, tránh phụ thuộc vào một nguồn cung duy nhất. Việc này giúp giảm thiểu nguy cơ gián đoạn và duy trì sự ổn định trong sản xuất.
- » Dự trữ số lượng nguyên vật liệu tối ưu, đặc biệt là những nguyên liệu chính, nhằm tránh tình trạng gián đoạn sản xuất trong các tình huống khẩn cấp hoặc khi có biến động lớn về nguồn cung trên thị trường.
- » Tối ưu hóa quy trình sản xuất để giảm hao phí nguyên vật liệu, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm chi phí.
- » Theo dõi và dự báo biến động giá: Công ty chủ động theo dõi thị trường và lập kế hoạch dự báo kịp thời nhằm phòng ngừa rủi ro biến động giá từ các yếu tố bên ngoài.





## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



### Tiêu thụ năng lượng

SABIBECO coi việc sử dụng năng lượng hiệu quả và hợp lý là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững, với mục tiêu tiết kiệm chi phí sản xuất và bảo vệ môi trường. Trước thực tế nhu cầu năng lượng ngày càng tăng và yêu cầu bảo vệ môi trường ngày càng cấp thiết, SABIBECO không ngừng cải tiến, tối ưu hóa quy trình sản xuất, đầu tư vào thiết bị hiện đại và công nghệ tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu tiêu thụ năng lượng và khí thải, đảm bảo hoạt động sản xuất hiệu quả và thân thiện với môi trường.

Lượng điện tiêu thụ trong sản xuất năm 2024 đã giảm trong mức 8% - 18% tại các nhà máy.



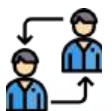
### Tiêu thụ nước

Nước đóng vai trò quan trọng trong quy trình sản xuất bia, chiếm hơn 90% thể tích sản phẩm cuối cùng. Do đó, SABIBECO luôn coi việc sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả là ưu tiên hàng đầu. Công ty áp dụng các giải pháp tái sử dụng nước trong quá trình sản xuất, không chỉ giúp tiết kiệm nước mà còn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng đầu ra của sản phẩm.

Công ty nâng cao nhận thức của người lao động về tầm quan trọng của việc tiết kiệm nước và khuyến khích thực hiện các biện pháp tiết kiệm tại các công đoạn sản xuất. Những biện pháp này đã góp phần làm giảm chi phí mua nước, xử lý nước thải và sản xuất năng lượng, qua đó giúp giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường và bảo vệ môi trường.

Với những nỗ lực này, SABIBECO cam kết tiếp tục phát triển các giải pháp sáng tạo trong việc sử dụng nước hiệu quả hơn, từ đó góp phần vào sự phát triển bền vững và bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá cho cộng đồng.

Trong năm 2024, mức tiêu thụ nước trung bình trong sản xuất đã giảm 3,6% so với năm 2023.



### Chính sách liên quan đến người lao động

- » Tổng số Công nhân viên lao động đang làm việc tại Công ty là 291 người.
- » Thu nhập bình quân năm 2024 của người lao động là 9,1 triệu đồng/người/tháng.



### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- » Chất lượng nước thải tại các nhà máy bia được xếp loại A. Các nhà máy đã tận dụng nước thải sau xử lý để tưới cây và rửa sân.
- » Duy trì việc thực hiện đầy đủ các chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo quy định. Các chỉ tiêu môi trường được theo dõi thường xuyên và lập báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường.
- » Xây dựng sân phơi bùn không sử dụng Polymer nhằm tăng khả năng phân hủy bùn.
- » Việc tiêu thụ hóa chất trong quá trình sản xuất được theo dõi chặt chẽ, thường thấp hơn hoặc tương đương định mức.
- » Chất thải nguy hại được quản lý bằng cách bố trí khu vực lưu trữ riêng biệt và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
- » Trong năm, không xảy ra vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường.



### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

SABIBECO không chỉ chú trọng đến phát triển hoạt động kinh doanh mà còn đặc biệt quan tâm đến các hoạt động cộng đồng, đặc biệt là hỗ trợ các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai và lũ lụt. SABIBECO thể hiện tinh thần sẵn sàng hỗ trợ người dân vùng khó khăn, tham gia các chiến dịch cứu trợ thiên tai, đóng góp giúp đỡ các gia đình gặp hoạn nạn. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động gây quỹ từ thiện để hỗ trợ xây dựng trường học, cải thiện cơ sở hạ tầng giáo dục và thực hiện các chương trình phát triển cộng đồng khác.



### Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Công ty không có hoạt động thị trường vốn xanh.



### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

57. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

59. Tình hình tài chính

61. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

63. Kế hoạch phát triển trong tương lai

65. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường  
và xã hội







# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động

### Thế mạnh và cơ hội

- » **Thị trường dần phục hồi:** Sức mua có dấu hiệu cải thiện sau thời gian suy giảm, tạo cơ hội gia tăng sản lượng tiêu thụ; xu hướng tiêu dùng các sản phẩm bia không cồn và tốt cho sức khỏe cũng mở ra tiềm năng tăng trưởng, giúp tái định vị các dòng sản phẩm hiện có của Công ty.
- » **Nền tảng sản xuất tốt:** Với năng lực sản xuất lớn và công nghệ hiện đại, Công ty có thể tận dụng lợi thế quy mô để giảm chi phí tính trên mỗi đơn vị sản phẩm.
- » **Đa dạng hóa sản phẩm:** Danh mục sản phẩm bia Sagota bao gồm các dòng bia SLager, bia không cồn, bia cao cấp, bia giá rẻ,... phù hợp với nhiều phân khúc thị hiếu và thu nhập khác nhau của khách hàng, hỗ trợ chiến lược đa dạng hóa sản phẩm của SABIBECO trên thị trường.
- » **Hậu thuẫn từ SABECO:** Sau khi sáp nhập vào hệ thống của SABECO, SABIBECO được hỗ trợ về quản trị, tài chính, kênh phân phối, đồng thời tận dụng uy tín thương hiệu và mạng lưới bán hàng rộng khắp của SABECO để mở rộng thị phần và tăng sản lượng tiêu thụ.

### Hạn chế và thách thức

- » **Sức tiêu thụ chưa ổn định:** Tác động từ Nghị định 168 gây áp lực tâm lý khiến người tiêu dùng hạn chế uống bia. Việc tiêu thụ bia tại nhà hàng, quán ăn giảm và chuyển dần sang tiêu dùng tại gia đình, làm thay đổi tiêu dùng.
- » **Cạnh tranh khốc liệt:** Đối mặt với cả các thương hiệu bia lớn và dòng “bia cỏ” giá rẻ, khiến thị phần bị phân hóa mạnh, buộc SABIBECO phải linh hoạt hơn trong chính sách giá và kênh phân phối.
- » **Chi phí sản xuất và tài chính cao:** Nguyên vật liệu (malt, hoa bia), bao bì và lãi vay vẫn ở mức cao, gây áp lực lên biên lợi nhuận, trong khi nhà máy chưa đạt công suất tối ưu, khiến chi phí cố định phân bổ trên mỗi đơn vị sản phẩm còn cao.
- » **Áp lực tài chính, chất lượng tài sản giảm:** Việc trích lập dự phòng nợ xấu lớn và giảm đầu tư khiến quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu bị thu hẹp, trong khi lợi nhuận chưa đủ bù đắp chi phí, buộc Công ty phải tái cấu trúc và cắt giảm chi phí để duy trì hoạt động.

SABIBECO có tiềm năng phát triển nhờ nền tảng sản xuất quy mô lớn, danh mục sản phẩm đa dạng và sự hỗ trợ từ SABECO. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức: nhu cầu tiêu thụ bia trong nước chưa phục hồi hoàn toàn, cạnh tranh gay gắt, chi phí sản xuất gia tăng và từ các chính sách ngăn ngừa tác hại của rượu bia. Để tận dụng cơ hội và vượt qua khó khăn, SABIBECO cần tiếp tục tối ưu hóa hoạt động, đẩy mạnh chiến lược tiếp thị, quản trị tài chính chặt chẽ. Tìm kiếm sự hỗ trợ và liên kết chặt chẽ của SABECO để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới.

## Đánh giá hoạt động kinh doanh trong năm

### Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2023	% TH2024/TH2023
Tổng tài sản	2.107.15	2.612.32	80,66
Vốn điều lệ	875,2	875,25	0
Doanh thu thuần	2.180,3	2.020,19	107,93
Lợi nhuận từ HĐKD	(140.514)	(212.344)	-
Lợi nhuận khác	(112.223)	(118.541)	-
Lợi nhuận trước thuế	(252.737)	(330.885)	-
Lợi nhuận sau thuế	(306.752)	(389.439)	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	10%	5%	100%

### Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm 2024, SABIBECO đã đạt được nhiều tiến triển tích cực trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Doanh thu tăng đáng kể, trong khi khoản lỗ sau thuế được thu hẹp rõ rệt, cho thấy hiệu quả hoạt động đã được cải thiện. Hiệu suất vận hành cũng được nâng cao khi Công ty giảm tồn kho, tăng vòng quay hàng tồn kho và vận hành các nhà máy gần như đạt công suất tối đa vào các tháng cuối năm, từ đó tận dụng tối đa quy mô sản xuất.

SABIBECO chính thức trở thành công ty con của SABECO từ tháng 01/2025, tiến hành tái cơ cấu bộ máy lãnh đạo và sơ đồ tổ chức, áp dụng tiêu chuẩn quản trị hiện đại và đồng bộ hóa chiến lược phát triển với công ty mẹ. Bên cạnh đó, danh mục sản phẩm tiếp tục được mở rộng với các dòng bia Sagota như Lager, Gold, Pure và bia không cồn, trong đó dòng bia không cồn đáp ứng tốt xu hướng tiêu dùng lành mạnh. Thương hiệu Sagota cũng ngày càng được phủ rộng, hiện diện tại hơn 43 tỉnh, thành phố trên cả nước. Những kết quả này là nền tảng quan trọng để SABIBECO dần phục hồi và phát triển ổn định trong giai đoạn tiếp theo.







# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

ĐVT: Tỷ đồng

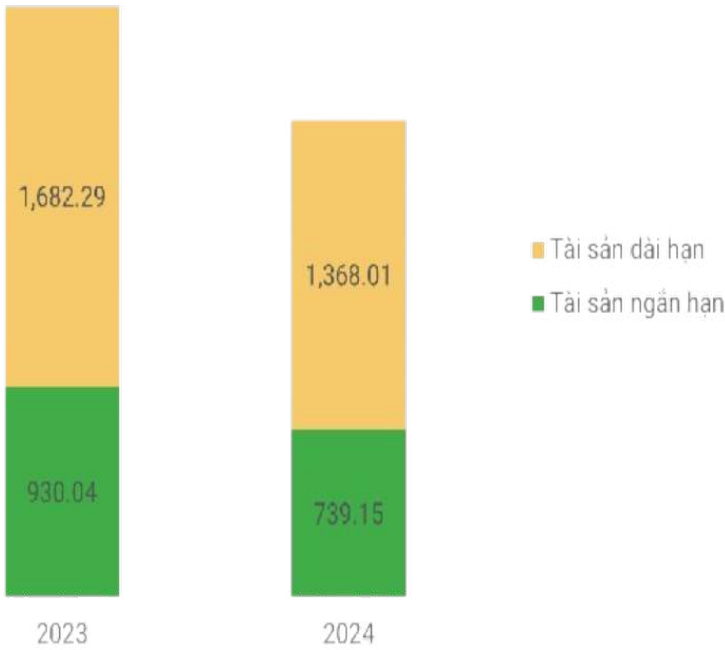
Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng năm 2024	Năm 2023	Tỷ trọng năm 2023	TH2024/TH2023
Tài sản ngắn hạn	739,15	35,08%	930,04	35,60%	79,48%
Tài sản dài hạn	1.368,01	64,92%	1.682,29	64,40%	81,32%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.107,16</b>	<b>100%</b>	<b>2.612,32</b>	<b>100%</b>	<b>80,66%</b>

Trong năm 2024, tổng tài sản của SABIBECO ghi nhận mức giảm 19,34% so với năm 2023, xuống còn 2.107,16 tỷ đồng. Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn giảm 20,52%, còn 739,15 tỷ đồng; tỷ trọng tài sản ngắn hạn hầu như không thay đổi, chỉ giảm nhẹ từ 35,60% xuống 35,08%.

Tài sản dài hạn giảm 18,68%, còn 1.368,01 tỷ đồng; tỷ trọng tài sản dài hạn tăng nhẹ từ 64,40% lên 64,92%.

Việc tổng tài sản sụt giảm đến từ cả tài sản ngắn hạn và dài hạn, trong đó tài sản ngắn hạn giảm mạnh chủ yếu do Công ty thực hiện trích lập đáng kể dự phòng phải thu khó đòi, tăng thêm 120 tỷ đồng (từ 127 tỷ đồng lên 247 tỷ đồng). Tài sản dài hạn giảm phần lớn do việc tái cấu trúc danh mục đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết, từ 324,7 tỷ đồng xuống còn 186,6 tỷ đồng.

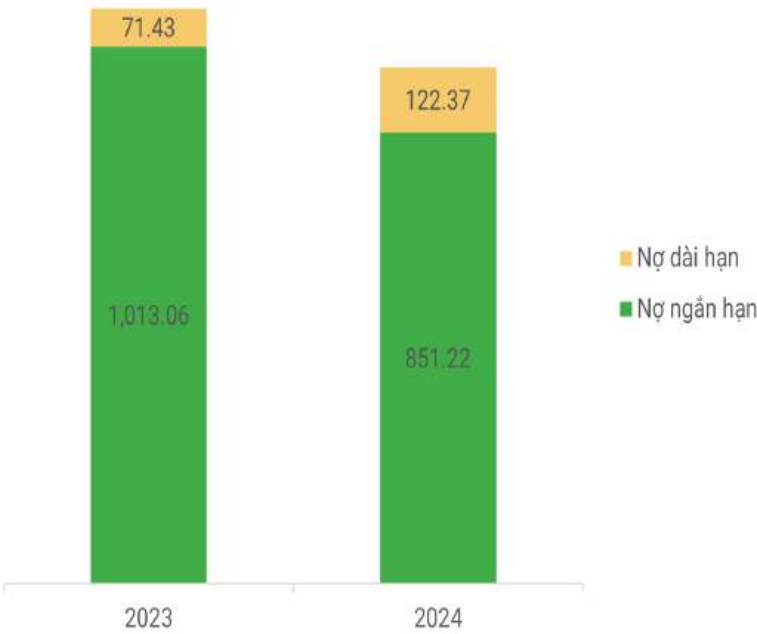
Những thay đổi này được thực hiện với mục tiêu đánh giá lại giá trị thực của các khoản phải thu và cơ cấu lại danh mục đầu tư một cách thận trọng, phù hợp với chiến lược quản trị rủi ro của Công ty.



## Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng năm 2024	Năm 2023	Tỷ trọng năm 2023	TH2024/TH2023
Nợ ngắn hạn	851,22	87,43%	1.013,06	93,41%	84,03%
Nợ dài hạn	122,37	12,57%	71,43	6,59%	171,32%
<b>Tổng nợ</b>	<b>973,60</b>	<b>100%</b>	<b>1.084,49</b>	<b>100%</b>	<b>89,77%</b>



Trong năm 2024, tổng nợ phải trả của SABIBECO đạt 973,60 tỷ đồng, giảm 10,23% so với năm 2023. Cơ cấu nợ có sự thay đổi đáng kể khi nợ ngắn hạn giảm 15,97%, xuống còn 851,22 tỷ đồng, làm cho tỷ trọng nợ ngắn hạn giảm từ 93,41% xuống còn 87,43%. Ngược lại, nợ dài hạn tăng mạnh 71,32%, từ 71,43 tỷ đồng lên 122,37 tỷ đồng, khiến tỷ trọng nợ dài hạn tăng từ 6,59% lên 12,57%.

Việc tăng nợ dài hạn chủ yếu đến từ việc Công ty ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả, tăng từ 71,43 tỷ đồng lên 122,37 tỷ đồng. Điều này phản ánh sự chênh lệch tạm thời giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế, đồng thời cho thấy Công ty đang ghi nhận các nghĩa vụ thuế có thể phát sinh trong tương lai.

Bên cạnh đó, việc giảm nợ ngắn hạn chủ yếu là do Công ty đã thực hiện thanh toán các khoản thuế và khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại. Những thay đổi trong cơ cấu nợ này giúp Công ty giảm áp lực thanh toán trong ngắn hạn, đồng thời thể hiện định hướng quản trị tài chính thận trọng cho giai đoạn tiếp theo.





## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

- ✓ Trong năm qua, SABIBECO đã tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức hiệu quả, triển khai các chính sách quản trị và thực hiện điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động nhanh chóng. Môi trường làm việc ổn định giúp người lao động yên tâm gắn bó, phát huy hết tiềm năng của mình trong công việc.
- ✓ Các chính sách và quy trình quản trị mới đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động điều hành của Ban điều hành, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác định hướng chiến lược và ra quyết định, góp phần giúp Công ty hoàn thành các mục tiêu kinh doanh và thúc đẩy phát triển bền vững trong dài hạn.

- ✓ Nhằm duy trì cơ cấu tổ chức, Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Công ty khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới, tạo điều kiện để người lao động đóng góp ý tưởng, cải tiến quy trình làm việc, qua đó nâng cao hiệu quả công việc và phát triển lâu dài. Thông qua những nỗ lực này, SABIBECO đã tạo dựng được môi trường làm việc tích cực và lợi thế cạnh tranh bền vững, không chỉ trong công tác quản lý mà còn trong các mối quan hệ nội bộ cũng như với khách hàng và đối tác.







## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



### Định hướng chiến lược phát triển

- » Theo thông báo vào tháng 12 năm 2024, SABECO chính thức nhận chuyển nhượng 65% vốn điều lệ tại SABIBECO và SABIBECO đã trở thành công ty con của SABECO từ tháng 01 năm 2025.
- » Hiện nay, SABIBECO được tích hợp vào hệ thống tổ chức của SABECO, đồng bộ theo triết lý quản trị, cơ cấu tổ chức, mô hình kinh doanh và quy trình vận hành nhà máy bia của SABECO.



### Kế hoạch mở rộng và phát triển sản phẩm

- » SABIBECO sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu nhằm nâng cao giá trị thương hiệu trên thị trường quốc tế.
- » Năng lực sản xuất tại các nhà máy bia của SABIBECO sẽ được tối ưu hóa để gia công sản xuất và đóng gói các thương hiệu bia của SABECO, mở rộng độ phủ thị trường của SABECO tại Việt Nam. Công ty sẽ tái cấu trúc các nguồn vốn, làm việc với các ngân hàng để tối ưu hóa lãi suất và các điều khoản vay.
- » Danh mục thương hiệu của SABIBECO sẽ được tinh gọn và điều chỉnh để hỗ trợ cho danh mục thương hiệu hiện có của SABECO trên thị trường Việt Nam.



### Tối ưu hiệu quả tài chính và quản trị rủi ro

- » Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tại các nhà máy bia của Sabibeco với sự hỗ trợ từ Công ty TNHH Cơ khí Sabeco (MESAB) nhằm cải thiện chi phí vận hành, nâng cao hiệu suất hoạt động và đảm bảo tăng trưởng doanh thu bền vững.
- » Tăng cường hệ thống quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và triển khai hiệu quả công tác quản trị rủi ro. Thu hút và giữ chân nhân tài, đồng thời xây dựng chính sách đãi ngộ cho nhân viên phù hợp với giai đoạn phát triển mới.
- » Đẩy mạnh các hoạt động huy động vốn, tối ưu hóa dòng tiền để đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ cho kế hoạch mở rộng sản xuất và đầu tư dài hạn.







## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

#### Tiêu thụ nước và năng lượng

SABIBECO tập trung tối ưu hóa việc sử dụng nước và năng lượng trong quá trình sản xuất, với mục tiêu giảm thiểu tác động đến môi trường đồng thời tiết kiệm chi phí sản xuất. Công ty đầu tư vào các công nghệ tiên tiến nhằm tái sử dụng nước và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo, đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững và giảm thiểu tác động môi trường.

#### Kiểm soát phát thải

Công ty đã triển khai một loạt các biện pháp kiểm soát khí thải nhằm giảm lượng CO<sub>2</sub> và các chất ô nhiễm khác phát sinh từ quá trình sản xuất. Các sáng kiến xanh như nâng cấp thiết bị tiết kiệm năng lượng và áp dụng quy trình sản xuất sạch đã giúp SABIBECO giảm đáng kể lượng khí thải ra môi trường. Công ty tiếp tục theo dõi chặt chẽ và điều chỉnh quy trình sản xuất để đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường quốc tế, đồng thời duy trì cam kết bảo vệ môi trường.

Với sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng Quản trị, chính quyền địa phương và toàn thể người lao động, SABIBECO đã từng bước thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Công ty cam kết tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất, nhằm xây dựng một môi trường sống xanh, sạch, đẹp cho cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển bền vững.



### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nhận thức rõ rằng người lao động chính là yếu tố quyết định đến sự thành công và phát triển bền vững của Công ty. SABIBECO tập trung xây dựng môi trường làm việc tích cực và hiệu quả, nhằm giúp người lao động phát huy tối đa năng lực trong quá trình làm việc tại Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng đặc biệt chú trọng đến vấn đề an toàn lao động thông qua việc đầu tư trang thiết bị bảo hộ, tổ chức các khóa huấn luyện an toàn và xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro. Các chương trình đào tạo chuyên môn và phát triển năng lực được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao trình độ và kỹ năng cho người lao động. Điều này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả công việc mà còn tạo động lực để người lao động tự hoàn thiện bản thân.

**Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có.



### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, SABIBECO còn đặc biệt quan tâm đến các hoạt động cộng đồng. Đặc biệt là hỗ trợ các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai và lũ lụt. SABIBECO tham gia các chiến dịch cứu trợ thiên tai và đóng góp hỗ trợ các gia đình đang gặp khó khăn. SABIBECO cũng đóng góp vào các quỹ giáo dục để hỗ trợ học sinh ở vùng sâu vùng xa.





## IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

69. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

71. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

72. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị







## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### ✓ Đánh giá về các chỉ tiêu môi trường

Hội đồng Quản trị ghi nhận những tiến bộ đáng kể của Công ty trong việc sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và năng lượng, thông qua việc ứng dụng công nghệ tiên tiến và triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả môi trường, Công ty cần đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái. Những nỗ lực cải tiến quy trình sản xuất đã góp phần đáng kể trong việc giảm phát thải CO<sub>2</sub> và các chất ô nhiễm khác. Hội đồng Quản trị khuyến khích Công ty tiếp tục theo dõi chặt chẽ các chỉ tiêu phát thải, đồng thời cập nhật và tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản lý môi trường.

### ✓ Đánh giá về chính sách đối với người lao động

Công ty đã có những bước tiến rõ rệt trong việc đảm bảo an toàn lao động, thể hiện qua việc đầu tư trang thiết bị bảo hộ và tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, giảm thiểu đáng kể rủi ro trong môi trường làm việc. Hội đồng Quản trị đánh giá cao những nỗ lực này, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp tục cải thiện điều kiện làm việc để đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động. Công ty cần quan tâm hơn đến chính sách phúc lợi và xây dựng chế độ đãi ngộ cạnh tranh. Việc xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng sẽ góp phần nâng cao mức độ gắn kết, tạo động lực làm việc và thu hút nhân tài gắn bó lâu dài với SABIBECO.



### ✓ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn, Công ty cần tiếp tục thúc đẩy các sáng kiến đổi mới, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường và mở rộng mối quan hệ hợp tác với cộng đồng địa phương. Những nỗ lực này sẽ tạo nên giá trị các bên vững chắc cho doanh nghiệp, người lao động và xã hội.

Với vai trò là một doanh nghiệp sản xuất bia, Công ty đã chủ động triển khai các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về việc uống bia có trách nhiệm. Những sáng kiến này góp phần xây dựng văn hóa tiêu dùng lành mạnh và thể hiện cam kết của Công ty trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực của bia rượu đối với xã hội. Hội đồng Quản trị khuyến nghị Công ty mở rộng đối thoại với chính quyền địa phương, các tổ chức cộng đồng và người dân để hiểu rõ hơn nhu cầu tiêu thụ thực tế.







## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Trong năm qua, Hội đồng quản trị của SABIBECO đã thực hiện chỉ đạo và giám sát chặt chẽ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý qua việc đánh giá thực hiện các quy chế, quy định và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Điều này giúp đảm bảo rằng Công ty đang đi đúng hướng và duy trì môi trường làm việc ổn định và hiệu quả.



Hội đồng quản trị nhận thấy rằng Ban Tổng giám đốc đã chủ động, tích cực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, được thể hiện qua việc áp dụng đúng các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. SABIBECO duy trì sự ổn định trong sản xuất và điều hành dù phải đối mặt với các thách thức từ thị trường cạnh tranh. Để tiếp tục duy trì sự phát triển bền vững, Ban điều hành cần tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý, ứng dụng công nghệ và duy trì tính minh bạch trong mọi hoạt động.



## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Định hướng chiến lược phát triển

Công ty sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu nhằm nâng cao giá trị thương hiệu trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị định hướng Công ty ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất và mô hình quản trị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí vận hành và tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Cần đầu tư vào hệ thống tự động hóa và chuyển đổi công nghệ số.



### Kế hoạch mở rộng và phát triển sản phẩm

- » Tinh gọn danh mục thương hiệu của SABIBECO và tích hợp với danh mục thương hiệu của SABECO nhằm thâm nhập sâu hơn vào thị trường Việt Nam.
- » Tăng cường mạng lưới phân phối và tìm kiếm cơ hội xuất khẩu.



### Tối ưu hóa hiệu quả tài chính và quản trị rủi ro

- » Tăng cường công tác quản lý chi phí sản xuất và vận hành, đảm bảo tăng trưởng doanh thu bền vững đồng thời tối ưu hóa lợi nhuận.
- » Rà soát và nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và triển khai hiệu quả các hoạt động quản trị rủi ro.
- » Đẩy mạnh các hoạt động huy động vốn, tối ưu hóa dòng tiền nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính vững chắc phục vụ cho các kế hoạch mở rộng sản xuất và đầu tư dài hạn.



## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

75. Hội đồng quản trị

89. Ban kiểm soát

95. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát





Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Tính đến ngày 04/03/2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT	22.187.200 (*)	25,34% (*)
2	Ông Lâm Du An	Phó Chủ tịch HĐQT	20.000.000 (*)	22,84% (*)
3	Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên HĐQT	813.944	0,93%
4	Bà Phạm Thị Thanh Thùy	Thành Viên HĐQT	10.000.000 (*)	11,42%(*)
5	Ông Đinh Quang Hải	Thành Viên HĐQT	51.049	0,0583%

(\*) Đại diện Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn sở hữu.

Lý lịch thành viên HĐQT

**Ông Tan Teck Chuan Lester**  
Chủ tịch HĐQT

» Họ tên: Tan Teck Chuan Lester

» Giới tính: Nam

» Ngày tháng năm sinh: 21/07/1966

» Quốc tịch: Singapore

- » Trình độ chuyên môn:
- Thạc sĩ Khoa học chuyên ngành Marketing, Đại học Thành phố New York, New York, Mỹ
  - Cử nhân Kinh tế và Khoa học chính trị, Đại học Willamette, Oregon, Mỹ
  - Leadership Campus, INSEAD, Fontainebleau, Pháp
  - Leadership Campus, Đại học Harvard, Boston, Mỹ
- » Quá trình công tác:

Chức vụ & Đơn vị công tác
Phó Chủ tịch cấp cao, Giám đốc Điều hành ngành Đồ uống không cồn, Thai Beverage Public Company Limited
Tổng Giám đốc ngành Bia Thái Lan, Chang Beer Company Limited
Tổng Giám đốc ngành Bia Thái Lan, Chang International Co., Ltd
Phó Tổng Giám đốc - Đồ uống không cồn (Thái Lan), Fraser and Leave Limited
Chủ tịch, Sermasuk Public Company Limited
Thành viên HĐQTV, Great Brands Limited
Thành viên HĐQTV, Sermasuk Training Co., Ltd
Thành viên HĐQTV, Sermasuk Holding Co., Ltd
Thành viên HĐQTV, Sermasuk Beverage Co., Ltd
Thành viên HĐQTV, Wrangyer Beverage (2008) Co., Ltd
Phó Tổng Giám đốc – Vận hành, Thai Drinks Co., Ltd





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Lý lịch thành viên HĐQT (tiếp theo)

**Ông Tan Teck Chuan Lester**  
**Chủ tịch HĐQT**

» Quá trình công tác:

#### Chức vụ & Đơn vị công tác

Thành viên HĐQT, BeerCo Training Co., Ltd

Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Cash Van Management Co., Ltd

Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Modern Trade Management Co., Ltd

Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Horeca Management Co., Ltd

Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Traditional Trade Management Co., Ltd

Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Thai Drinks Co., Ltd

» **Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Chang International Co., Ltd
- Chủ tịch, Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương
- Chủ tịch, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
- Chủ tịch, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam.
- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn
- Chủ tịch, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trung Tâm Mê Linh
- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn
- Thành viên HĐQT, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thủy tinh Malaya – Việt Nam

» **Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:**

- Cá nhân: Không có.
- Đại diện Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn sở hữu: 22.187.200 cổ phần, chiếm 25,34% vốn điều lệ

» **Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty:** Không có

**Ông Lâm Du An**  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

» Họ tên: Lâm Du An

» Giới tính: Nam

» Ngày tháng năm sinh: 05/01/1967

» Quốc tịch: Việt Nam

» Quê quán: TP. HCM

» Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

» Quá trình công tác:

#### Chức vụ & Đơn vị công tác

Kỹ sư bảo trì – Thuốc lá Bến Thành

Kỹ sư bảo trì – XN Liên hiệp rượu Bia NGK 2 – Nhà máy nước đá Hầm Tư

Kỹ sư bảo trì – XN Liên hiệp rượu Bia NGK 2 – Nhà máy Bia Sài Gòn

Phó Quản đốc bảo trì - TCT Bia rượu NGK Sài Gòn

Trưởng Ban QLDA Bia Sài Gòn – Bạc Liêu - TCT Bia rượu NGK Sài Gòn

Trưởng Ban QLDA Bia Sài Gòn – Vĩnh Long - SABECO - TCT Bia rượu NGK Sài Gòn

Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long - Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

Giám đốc NM BSG Nguyễn Chí Thanh - Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

Phó TGĐ - phụ trách sản xuất - Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Lý lịch thành viên HĐQT (tiếp theo)

**Ông Lâm Du An**  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

» Quá trình công tác:

#### Chức vụ & Đơn vị công tác

Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Chủ tịch – Công ty TNHH MTV cơ khí SABECO

Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

» **Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- Phó tổng giám đốc: Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội; Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO; Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung
- Thành viên HĐQT: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

» **Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:**

- Cá nhân: Không có.
- Đại diện Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn sở hữu: 20.000.000 cổ phần, chiếm 22,84% vốn điều lệ.

» **Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty:** Không có

**Ông Văn Thảo Nguyên**  
**Thành viên HĐQT**

» Họ tên: Văn Thảo Nguyên

» Giới tính: Nam

» Ngày tháng năm sinh: 1980

» Quốc tịch: Việt Nam

» Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh

» Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

» Quá trình công tác:

#### Chức vụ & Đơn vị công tác

Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Ninh Thuận

Chủ tịch Công ty liên doanh Crown Sài Gòn

» Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

» Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây – Nhà máy Bia Sài Gòn Bình Dương.

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại Công ty Cổ phần Bao Bì SABECO Sông Lam, nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn

Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

» **Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn
- Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
- Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

» **Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:**

- Cá nhân: 813.944 cổ phần, chiếm 0,93% vốn điều lệ
- Đại diện Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn sở hữu: Không có

» **Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty:** 334.053 cổ phần, chiếm 0,381% vốn điều lệ.





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Lý lịch thành viên HĐQT (tiếp theo)

#### Bà Phạm Thị Thanh Thùy Thành viên HĐQT

- » Họ tên: Phạm Thị Thanh Thùy
- » Giới tính: Nữ
- » Ngày tháng năm sinh: 06/12/1985
- » Quốc tịch: Việt Nam
- » Quê quán: TP.HCM
- » Địa chỉ thường trú: 687/4 Tân Sơn F.12 Q.GV TPHCM
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- » Quá trình công tác:

#### Chức vụ & Đơn vị công tác

Công ty Nestle Việt Nam

Công ty Fries Campina Việt Nam

SABECO

#### » Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT: Công ty CP thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc
- Thành viên HĐQT: Công ty CP bao bì Bia Sài Gòn
- Chủ tịch thành viên công ty TNHH Tân Thành

#### » Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn sở hữu: 10.000.000 cổ phần, chiếm 11,42% vốn điều lệ.

#### » Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty: Không có

#### Ông Đinh Quang Hải Thành viên HĐQT

- » Họ tên: Đinh Quang Hải
- » Giới tính: Nam
- » Ngày tháng năm sinh: 09/11/1961
- » Quốc tịch: Việt Nam
- » Quê quán: Hà Nam
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật
- » Quá trình công tác:

#### Chức vụ & Đơn vị công tác

Bộ đội – Tiểu đoàn 3 – Trung đoàn 583 – Sư đoàn 432 – Quân khu 3

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý, sau chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

#### » Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý

#### » Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:

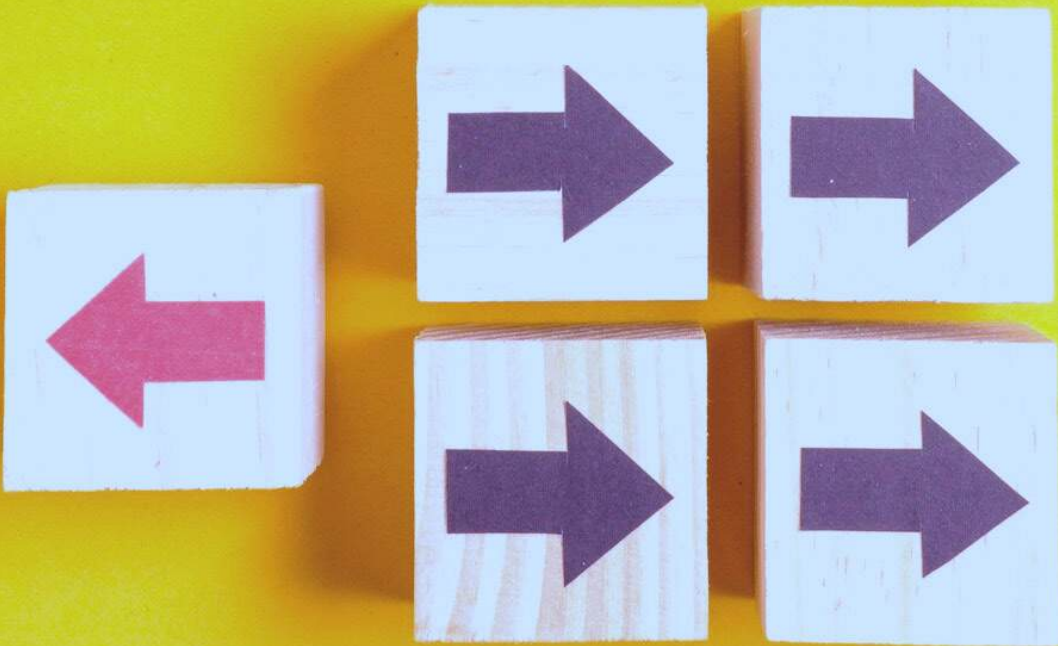
- Cá nhân: 51.049 cổ phần, chiếm 0,0583% vốn điều lệ
- Đại diện Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn sở hữu: Không

#### » Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty: 130.107 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1498% vốn điều lệ



Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm 2024 và đầu năm 2025

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT độc lập	-	18/07/2024
2	Ông Đặng Thái	Thành Viên HĐQT không điều hành	-	18/07/2024
3	Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	-	20/02/2025
4	Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT	-	20/02/2025
5	Đình Văn Thuận	Thành Viên HĐQT	-	20/02/2025
6	Phạm Tấn Lợi	Thành Viên HĐQT	-	20/02/2025
7	Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT	20/02/2025	-
8	Ông Lâm Du An	Phó Chủ tịch HĐQT	20/02/2025	-
9	Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên HĐQT	20/02/2025	-
10	Bà Phạm Thị Thanh Thùy	Thành Viên HĐQT	20/02/2025	-







## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	-
2	Ông Văn Thảo Nguyên	Phó chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc	7/7	100%	-
3	Ông Đinh Văn Thuận	Thành Viên HĐQT	7/7	100%	-
4	Ông Đinh Quang Hải	Thành Viên HĐQT không điều hành	7/7	100%	-
5	Ông Phạm Tấn Lợi	Thành Viên HĐQT không điều hành	7/7	100%	-
6	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT độc lập	3/3	100%	Miễn nhiệm (ngày 18/07/2024)
7	Ông Đặng Thái	Thành Viên HĐQT không điều hành	3/3	100%	Miễn nhiệm (ngày 18/07/2024)

### Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/HĐQT	08/01/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thôi nhiệm, bổ nhiệm Ban giám đốc nhà máy	7/7
2	02/2024/HĐQT	31/01/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chào bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn (công ty liên kết)	7/7
3	03/2024/NQ-HĐQT	28/03/2024	Nghị quyết HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền	7/7
4	04/2024/NQ-HĐQT	28/03/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thành lập Tổ giá thành	7/7
5	05/2024/NQ-HĐQT	01/05/2024	Nghị quyết HĐQT về việc tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	7/7
6	06/2024/NQ-HĐQT	15/05/2024	Nghị quyết HĐQT về việc ngày chốt danh sách cổ đông cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	7/7
7	07/2024/NQ-HĐQT	21/05/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chuyển lợi nhuận từ công ty con về công ty mẹ	7/7
8	08/2024/NQ-HĐQT	28/06/2024	Nghị quyết HĐQT về việc Ban hành quy chế công bố thông tin	7/7
9	09/2024/NQ-HĐQT	28/06/2024	Nghị quyết HĐQT về việc điều chỉnh ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	7/7
10	10/2024/NQ-HĐQT	18/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029	5/5





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	11/2024/NQ-HĐQT	18/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc bầu Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029	5/5
12	12/2024/NQ-HĐQT	29/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	5/5
13	13/2024/NQ-HĐQT	17/09/2024	Nghị quyết HĐQT về Ý kiến đối với việc chào mua công khai của Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – nước giải khát Sài Gòn (SABECO)	5/5
14	14/2024/NQ-HĐQT	24/09/2024	Nghị quyết HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền	4/4
15	15/2024/NQ-HĐQT	12/12/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024-2025 và việc quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	4/5
16	01/2024/QĐ-HĐQT	11/01/2024	Quyết định HĐQT về việc ký hợp đồng mua bán với Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn (SGGP)	7/7
17	03/2024/QĐ-HĐQT	06/08/2024	Quyết định HĐQT về việc Ban hành Điều lệ công ty	5/5
18	04/2024/QĐ-HĐQT	06/08/2024	Quyết định HĐQT về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	5/5
19	05/2024/QĐ-HĐQT	30/07/2024	Quyết định HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy Bia Sài Gòn – Đồng Tháp giai đoạn 2	5/5
20	06/2024/QĐ-HĐQT	26/09/2024	Quyết định HĐQT về việc Chuyển lợi nhuận từ Công ty con về Công ty mẹ	4/4
21	07/2024/QĐ-HĐQT	16/12/2024	Quyết định HĐQT về việc Bổ nhiệm Tổng Giám đốc	4/4

### Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có







## BAN KIỂM SOÁT

### Cơ cấu và thành phần Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
1	Ông Nguyễn Văn Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
2	Ông Mai Đỗ Minh Văn	Thành viên	-	-
3	Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	54.920	0,06%



### Lý lịch Ban kiểm soát

**Ông Nguyễn Văn Hòa**  
Trưởng Ban kiểm soát

- » Họ tên: Nguyễn Văn Hòa
- » Giới tính: Nam
- » Ngày tháng năm sinh: 05/10/1979
- » Quốc tịch: Việt Nam
- » Quê quán: TP.HCM
- » Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kế toán - tài chính – quản trị
- » Quá trình công tác:

#### Chức vụ & Đơn vị công tác

Kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lọc

Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO

Chuyên viên kế toán tổng hợp, tại Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu NGK- Nước giải khát Sài Gòn

Tổ trưởng tổ kế toán hợp nhất, Trưởng phòng kế toán tổng hợp thuộc Ban kế toán thống kê Tổng công ty cổ phần Bia -- Rượu -- Nước giải khát Sài Gòn

Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ

Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

#### » Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm
- Trưởng phòng Kế toán tổng hợp Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

» **Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:** Không có

» **Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty:** Không có





## BAN KIỂM SOÁT

### Lý lịch Ban kiểm soát (tiếp theo)

#### Bà Mai Đỗ Minh Văn Thành viên Ban kiểm soát

- » Họ tên: Mai Đỗ Minh Văn
- » Giới tính: Nữ
- » Ngày tháng năm sinh: 25/12/1983
- » Quốc tịch: Việt Nam
- » Quê quán: Khánh Hoà
- » Trình độ chuyên môn:
  - Cử nhân kế toán
  - Cử nhân kế hoạch đầu tư
- » Quá trình công tác:

#### Chức vụ & Đơn vị công tác

Kế toán công nợ tại công ty TNHH DIGICOM

Kế toán thanh toán tại Công Ty TNHH Khải Đức

Giám sát phân tích tài chính tại Công ty Tài Chính HDSAISON

Trợ lý Tài chính TGD tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư IMG

Chuyên gia tài chính đầu tư tại Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

- » **Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:**
  - Chuyên gia Tài chính đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
  - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần TM BSG Sông Hậu nhiệm kỳ 2021-2026
- » **Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:** Không có
- » **Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty:** Không có

#### Bà Bùi Thị Thái Hà Thành viên Ban kiểm soát

- » Họ tên: Bùi Thị Thái Hà
- » Giới tính: Nữ
- » Ngày tháng năm sinh: 26/09/1978
- » Quốc tịch: Việt Nam
- » Quê quán: Nghệ An
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- » Quá trình công tác:

#### Chức vụ & Đơn vị công tác

Công tác tại Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây

Công tác tại Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu NGK- Nước giải khát Sài Gòn

Phó giám đốc Công ty TNHH TM và DV Bia Sài Gòn Bình Tây

Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

- » **Chức vụ hiện tại tại Công ty:** Thành viên Ban kiểm soát
- » **Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Phó giám đốc tại Công ty TNHH TM và DV Bia Sài Gòn Bình Tây
- » **Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Công ty:**
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 54.920 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
  - Cổ phần đại diện sở hữu: Không có
- » **Số cổ phần của những người có liên quan nắm giữ tại Công ty:** 37.280 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0426% vốn điều lệ





## BAN KIỂM SOÁT

### Thay đổi trong Ban kiểm soát trong năm 2024 và đầu năm 2025

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Kiểm soát	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Văn Bá Nam	Trưởng BKS	-	20/02/2025
2	Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên BKS	-	20/02/2025
3	Ông Nguyễn Văn Hòa	Trưởng BKS	20/02/2025	-
4	Bà Mai Đỗ Minh Văn	Thành viên BKS	20/02/2025	-

### Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành Viên BKS	Chức vụ	Số buổi	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
1	Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	4/4	100%	-
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	4/4	100%	-
3	Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	4/4	100%	-

### Hoạt động Ban kiểm soát

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Giám sát việc tuân thủ pháp luật nhà nước, Điều lệ công ty và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BĐH trong việc quản lý và điều hành công ty; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chính sách điều hành công ty; Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và các báo cáo tài chính định kỳ các quý I, II, III năm 2024 nhằm phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động; Giám sát, đánh giá công tác quản trị, điều hành đối với HĐQT và Ban giám đốc.

Ban kiểm soát được tham dự các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp Ban tổng giám đốc với các chi nhánh, công ty con, các bộ phận quản lý; Thực hiện giám sát HĐQT, Ban tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. HĐQT và Ban tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, mời tham dự các cuộc họp của HĐQT cũng như các cuộc họp điều hành sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT.

HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc luôn sẵn sàng phối hợp với các cổ đông để giải quyết các vấn đề cổ đông quan tâm; luôn cập nhật các thông tin tới cổ đông thông qua các hoạt động công bố thông tin hoặc thông tin trực tiếp cho những cổ đông 5 có yêu cầu.

### Hoạt động khác của Ban kiểm soát

Không có





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Họ và Tên		Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
Thành viên Hội đồng quản trị				
Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT		96.000.000	96.000.000
Văn Thảo Nguyên	Phó chủ tịch HĐQT		72.000.000	72.000.000
Đinh Văn Thuận	Thành Viên HĐQT không điều hành		72.000.000	72.000.000
Phạm Tấn Lợi	Thành Viên HĐQT không điều hành		72.000.000	72.000.000
Đinh Quang Hải	Thành Viên HĐQT		72.000.000	72.000.000
Đặng Thái	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)		42.000.000	72.000.000
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)		42.000.000	72.000.000
Ban kiểm soát				
Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát		48.000.000	48.000.000
Nguyễn Văn Hòa	Thành viên		30.000.000	30.000.000
Bùi Thị Thái Hà	Thành viên		30.000.000	30.000.000
Ban điều hành				
Nguyễn Hữu Cảnh	Tổng giám đốc (từ ngày 16/12/2024)		51.153.846	
Văn Thảo Nguyên	Phó chủ tịch HĐQT – P.TGD		1.086.000.000	1.080.000.000
Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng giám đốc		891.000.000	877.500.000
Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng giám đốc		891.000.000	325.000.000
Nguyễn Thị Hiếu	Kế toán trưởng		841.000.000	360.000.000
Những người quản lý khác			8.942.000.000	8.302.500.000

### Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Tấn Lợi	Người nội bộ	-	-	-	-	
1.1	Tổng công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO)	Đại diện vốn	14.372.300	16,4%	52.187.200	59,6%	
2	Văn Thanh Liêm	Người nội bộ	4.324.000	4,94%	1.074.903	1,23%	
2.1	Nguyễn Thị Hạnh	Vợ	6.496.840	7,42%	1.614.539	1,84%	
2.2	Văn Thảo Nguyên	Con trai	3.274.000	3,742%	813.944	0,93%	Chào mua công khai cổ phiếu SBB của Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO)
2.3	Văn Bảo Ngọc	Con gái	2.900.000	3,31%	720.744	0,82%	
2.4	Nguyễn Huỳnh Loan Anh	Con dâu	1.294.100	1,479%	321.626	0,367%	
2.5	Nguyễn Văn Thiên Lộc	Con rể	10.000	0,01%	2.486	0,0028%	
2.6	Văn Đình Ngu	Em trai	50.000	0,0571%	1.276	0,0015%	
2.7	Văn Thị Sáu	Em gái	200.000	0,2285%	49.707	0,0568%	
2.8	Văn Thị Hằng	Em gái	170.000	0,1942%	42.251	0,0483%	





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty (tiếp theo)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
2.9	Trịnh Thị Thành	Em dâu	250.000	0,2856%	62.133	0,0710%	Chào mua công khai cổ phiếu SBB của Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO)
2.10	Lê Thị Tường Vi	Em dâu	52.000	0,0571%	12.924	0,0148%	
2.11	Nguyễn Văn An	Em rể	100.000	0,1143%	24.854	0,0284%	
2.12	Trần Thị Liên	Em dâu	244.000	0,2799%	60.891	0,0696%	
2.13	Nguyễn Ngọc Phúc	Em rể	60.000	0,0686%	14.912	0,0515%	
3	Văn Thảo Nguyên	Người nội bộ	Xem mục 2.2		Xem mục 2.2		
3.1	Nguyễn Huỳnh Loan Anh	Vợ	Xem mục 2.4		Xem mục 2.4		
3.2	Huỳnh Đặng Cẩm Loan	Mẹ vợ	50.000	0,057%	12.427	0,014%	
4	Đình Văn Thuận	Người nội bộ	250.000	0,286%	62.134	0,07%	
4.1	Phạm Thị Cấn	Vợ	3.867.400	4,419%	951.175	0,98%	
4.2	Đình Phương Thảo	Con ruột	1.000.000	1,143%	248.533	0,28%	
4.3	Đình Văn Thành	Con ruột	1.000.000	1,143%	248.533	0,28%	
4.4	Đình Văn Nhã	Anh trai	278.120	0,3182%	69.122	0,08%	

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
4.5	Đình Văn Vinh	Em trai	117.460	0,013%	29.193	0,03%	Chào mua công khai cổ phiếu SBB của Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO)
4.6	Đình Thị Hà	Em gái	40.000	0,046%	9.942	0,01%	
4.7	Công ty Cổ phần Tập đoàn Polycó	Công ty có liên quan	1.854.140	2,118%	460.814	0,53%	
5	Đình Quang Hải	Người nội bộ	204.400	0,2347%	51.049	0,0583%	
5.1	Đào Thị Na	Vợ	206.000	0,2354%	51.198	0,0585%	
5.2	Đình Thu Hiền	Con ruột	180.080	0,2057%	44.756	0,0511%	
5.3	Đào Xuân Đệ	Em vợ	141.440	0,1616%	34.153	0,0402%	
6	Văn Bảo Ngọc	Người nội bộ	Xem mục 2.3				
6.1	Văn Thanh Liêm	Bố ruột	Xem mục 2.2				
6.2	Nguyễn Thị Hạnh	Mẹ ruột	Xem mục 2.1				
6.3	Nguyễn Văn Thiên Lộc	Chồng	Xem mục 2.5				
6.4	Văn Thảo Nguyên	Anh trai	Xem mục 2.2				





# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty (tiếp theo)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
6.5	Nguyễn Huỳnh Loan Anh	Chị dâu	Xem mục 2.4				
7	Văn Bá Nam	Người nội bộ	800.000	0,914%	198.826	0,23%	Chào mua công khai cổ phiếu SBB của Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO)
8	Bùi Thị Thái Hà	Người nội bộ	224.000	0,26%	54.920	0,06%	
8.1	Văn Tuấn Dũng	Em chồng	150.000	0,1714%	37.280	0,0426%	
9	Nguyễn Thị Hiếu	Người nội bộ	253.000	0,29%	62.879	0,07%	

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Quan hệ với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng công ty SABECO	Cổ đông lớn >10%	03005 83659	187 Nguyễn Chí Thanh - P. 12 - Q. 5 - Tp. Hồ Chí Minh	01/01/2024 31/12/2024		Bán hàng hoá, dịch vụ cho SABECO 1.688.398.975.002 đồng
							Mua nguyên vật liệu của SABECO 1.268.461.228.035 đồng
							Chia cổ tức 21.558.450.000 đồng
2	Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan	03022 62756	621 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	01/01/2024 31/12/2024		Thuê đất Nhà máy Bình Dương 6.078.514.235 đồng
							Chia cổ tức 5.520.000.000 đồng
3	Công ty CP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	Bên liên quan người nội bộ	29007 88281	Đường D1, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, TP Vinh, Nghệ An	01/01/2024 -31/12/2024	Số 01/2024/QĐ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hoá dịch vụ 10.000.000 đồng
							Mua bao bì 112.334.490.710 đồng





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Quan hệ với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
4	Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan người nội bộ	03040 82452	8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	-	Mua dịch vụ vận tải 10.390.371.915 đồng
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Polycó	Bên liên quan người nội bộ	01087 55775	Số 567 Mạc Thái Tông, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	01/01/2024 - 31/12/2024	-	Chia cổ tức 1.854.140.000 đồng



## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn bia Sài Gòn Bình Tây luôn coi quản trị công ty là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững và hiệu quả. Do đó, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động vận hành ổn định, hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi ích cho Công ty và cổ đông.

Bên cạnh việc tuân thủ các quy định hiện hành, Công ty cũng chủ động điều chỉnh và cập nhật nội dung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị để phù hợp với các yêu cầu pháp lý mới. Trong năm qua, Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động rà soát nhằm nâng cao năng lực quản trị của Hội đồng quản trị, hướng đến việc xây dựng một hệ thống quản trị hiện đại, phù hợp với các chuẩn mực tốt nhất trên thị trường.

Ngoài ra, Công ty không ngừng tối ưu hóa các công cụ quản trị, đồng thời duy trì bản sắc văn hóa doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động.



## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

107. Ý kiến kiểm toán

109. Báo cáo tài chính kiểm toán 2024





Số: 457/BCKT/TC/2025/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025 từ trang 09 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý đến mục VIII.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, trong đó có đề cập đến việc thông tin so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 do Công ty kiểm toán khác thực hiện (với ý kiến chấp nhận toàn phần) đã được Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây điều chỉnh hồi tố lại do ảnh hưởng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1133/QĐ-XPHC ngày 30/12/2024 của Cục thuế Tỉnh Ninh Thuận tại Công ty con - Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận và ảnh hưởng của việc hồi tố trích lập dự phòng công nợ phải thu quá hạn tại Công ty con - Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây. Ý kiến của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề được nhấn mạnh này.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 28 tháng 03 năm 2024.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Vũ

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0699-2023-142-1

Kiểm toán viên

Trần Nguyễn Hoàng Mai

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1755-2023-142-1



Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>739.152.494.234</b>	<b>930.035.622.092</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>146.777.742.691</b>	<b>252.271.213.535</b>
1. Tiền	111		96.777.742.691	157.209.569.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	95.061.643.836
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>132.400.335.911</b>	<b>110.064.003.941</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.04.a	132.400.335.911	110.064.003.941
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>167.513.543.888</b>	<b>238.626.154.259</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	400.186.715.142	352.461.803.813
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	13.275.455.888	11.486.265.780
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	1.220.332.453	1.826.809.983
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(247.168.959.595)	(127.148.725.317)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.08	<b>290.652.395.286</b>	<b>327.381.648.658</b>
1. Hàng tồn kho	141		290.652.395.286	327.381.648.658
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.808.476.458</b>	<b>1.692.601.699</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.a	801.921.612	677.389.264
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15.b	1.006.554.846	1.015.212.435

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.368.005.467.295</b>	<b>1.682.288.417.585</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20.440.000</b>	<b>9.170.440.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	-	9.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.06.b	20.440.000	170.440.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.087.413.784.317</b>	<b>1.241.864.218.680</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.022.723.676.468	1.175.153.342.749
- Nguyên giá	222		3.854.216.188.484	3.890.633.472.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.831.492.512.016)	(2.715.480.129.429)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	64.690.107.849	66.710.875.931
- Nguyên giá	228		89.074.087.377	89.074.087.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.383.979.528)	(22.363.211.446)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.09	<b>424.297.740</b>	<b>12.431.962.560</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		424.297.740	12.431.962.560
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.04.b	<b>207.227.062.473</b>	<b>345.369.667.994</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		186.560.212.473	324.702.817.994
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.166.850.000	22.166.850.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>72.919.882.765</b>	<b>73.452.128.351</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.b	52.956.761.638	52.247.202.816
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		19.963.121.127	21.204.925.535
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.107.157.961.529</b>	<b>2.612.324.039.677</b>



Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>973.595.238.910</b>	<b>1.084.485.174.430</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>851.223.188.621</b>	<b>1.013.058.073.227</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	81.868.658.477	77.730.174.581
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	19.795.093.569	21.132.592.270
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.a	401.544.529.643	473.260.063.220
4. Phải trả người lao động	314		13.654.496.080	12.080.400.574
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.238.543.111	7.364.582.040
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	31.586.252.055	47.407.197.114
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	297.157.402.011	367.951.559.392
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.378.213.675	6.131.504.036
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>122.372.050.289</b>	<b>71.427.101.203</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		122.372.050.289	71.427.101.203
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.133.562.722.619</b>	<b>1.527.838.865.247</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>1.133.562.722.619</b>	<b>-1.527.838.865.247</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(51.168.810.051)	(51.168.810.051)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		411.120.769.720	498.645.305.720
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(538.343.347.514)	(231.591.740.886)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(231.591.740.886)	157.847.016.376
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.107.157.961.529</b>	<b>2.612.324.039.677</b>

Người lập biểu  
  
Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng  
  
Nguyễn Thị Hiền

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025  
Tổng Giám đốc  
  
Lee Chio Lim Larry



Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.01	<b>2.180.307.571.282</b>	<b>2.020.187.383.885</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2.180.307.571.282</b>	<b>2.020.187.383.885</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.073.067.619.029	2.011.958.362.220
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>107.239.952.253</b>	<b>8.229.021.665</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	16.530.090.708	17.543.260.978
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	21.078.374.546	40.656.327.044
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.851.026.400	40.554.365.627
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(23.142.605.521)	7.574.913.256
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05.a	40.114.614.086	35.681.877.966
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05.b	179.948.250.302	169.353.211.324
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(140.513.801.494)</b>	<b>(212.344.220.435)</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.06	5.894.999.920	284.623.260
13. Chi phí khác	32	VI.07	118.118.148.053	118.825.839.471
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(112.223.148.133)</b>	<b>(118.541.216.211)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(252.736.949.627)</b>	<b>(330.885.436.646)</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	3.069.707.915	2.736.710.824
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	50.944.949.086	55.816.609.792
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(306.751.606.628)</b>	<b>(389.438.757.262)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.11	<b>(3.505)</b>	<b>(4.449)</b>
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	VI.12	<b>(3.505)</b>	<b>(4.449)</b>

Người lập biểu  
  
Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng  
  
Nguyễn Thị Hiền

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025  
Tổng Giám đốc  
  
Lee Chio Lim Larry





Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
<strong>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</strong>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(252.736.949.627)	(330.885.436.646)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		166.136.751.202	217.150.040.340
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		120.020.234.278	121.098.889.825
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.556.156.654)	(368.476.116)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		5.644.413.189	(23.752.985.800)
- Chi phí lãi vay	06		20.851.026.400	40.554.365.627
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		58.359.318.788	23.796.399.230
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(71.292.007.490)	(20.631.015.488)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		37.971.057.780	101.005.550.512
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(48.826.341.159)	125.721.399.084
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(834.091.170)	16.586.786.627
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.291.009.990)	(42.746.093.390)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.323.752.448)	(3.652.714.114)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		37.020.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.946.619.528)	(7.984.796.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(55.146.425.217)	192.095.516.302
<strong>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</strong>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.568.548.835)	(13.648.815.286)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.909.963.637	918.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.845.944.879)	(143.584.551.887)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		62.509.612.909	121.520.547.946
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		115.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.253.346.268	15.384.185.131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		105.258.429.100	(19.410.452.278)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
<strong>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</strong>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		804.586.031.507	814.736.338.341
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(875.380.188.888)	(976.027.601.169)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(86.367.474.000)	(44.526.598.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(157.161.631.381)	(205.817.861.328)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(107.049.627.498)	(33.132.797.304)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		252.271.213.535	285.035.534.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.556.156.654	368.476.116
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	146.777.742.691	252.271.213.535

Người lập biểu  
  
Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng  
  
Nguyễn Thị Hiếu

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025  
Tổng Giám đốc  
  
Lee Chio Lim Larry





Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304116373 (trước đây là số 4103004075) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần thứ mười một ngày 11 tháng 03 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 875.245.360.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 875.245.360.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại sàn UPCoM với mã chứng khoán “SBB”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và Công ty con có 636 nhân viên.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY  
08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

8. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây có 03 (ba) Công ty con, 02 (hai) Công ty liên kết và 03 (ba) chi nhánh.

- Tổng số các Công ty con:
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty.
  - Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.
  - Số lượng các Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 02 Công ty.

a. Danh sách các Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và Dịch vụ nhà hàng;...	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	Sản xuất các loại bia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	104-106 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phù Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	Sản xuất các loại bia	100%	100%	100%	100%

b. Danh sách các Công ty liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn (*)	Đường D1 - Khu công nghiệp Bắc Vĩnh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vĩnh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì; ...	20,01%	18,46%	38,96%	38,96%
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	Đường số 7, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Sản xuất các loại bia	20,20%	20,20%	20,20%	20,20%





8. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

Ghi chú:

(\*) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 02/2024/NQ-HĐQT ngày 31/01/2024, Công ty đã thoái một phần vốn góp là 11.500.000 cổ phần, tương đương 115.000.000.000 đồng, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 18,46%.

Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết (có hiệu lực đến ngày 30/06/2025), Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn đã ủy quyền 1,55% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 20,01% quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn (bao gồm 18,46% quyền biểu quyết trực tiếp và 1,55% quyền biểu quyết gián tiếp).

c. Danh sách Chi nhánh

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Bình Dương	Lô B2/47-48-49-50-51 Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh	A73/1 Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp	Khu Công nghiệp Trần Quốc Toản, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh theo quy định tại Chuẩn mực kế toán về hợp nhất kinh doanh và hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.



Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

### b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

**Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:** được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

**Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:**

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

##### a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương án đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<i>Số năm khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40
- Máy móc thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải	07 - 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
- Tài sản cố định khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

##### b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là từ 41 năm đến 49 năm.

##### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 07 năm.



**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu hợp nhất:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

### a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### c. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### d. Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

## 12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

## 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

## 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.



**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**17. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**18. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

**19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

**Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
- Tiền mặt	2.162.137.667	1.717.272.182
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.615.605.024	155.492.297.517
- Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	95.061.643.836
Cộng	146.777.742.691	252.271.213.535

Ghi chú:  
(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng, lãi suất 2,9%/ năm.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	400.186.715.142	352.461.803.813
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	127.134.553.956	96.762.543.498
- Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	23.388.205.764	23.389.695.764
- Các khách hàng khác	249.663.955.422	232.309.564.551

b. Dài hạn  
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan  
(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	13.275.455.888	11.486.265.780
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	-	4.507.035.142
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	-	1.768.804.620
- Công ty Cổ phần Bia và NGK Quốc Tế	27.040.000	1.340.400.000
- Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	5.080.467.480	-
- Công ty TNHH Bách Khoa Á Châu	2.700.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	5.467.948.408	3.870.026.018

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a.1 Ngắn hạn	132.400.335.911	132.400.335.911	110.064.003.941	110.064.003.941
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	132.400.335.911	132.400.335.911	110.064.003.941	110.064.003.941
a.2 Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	132.400.335.911	132.400.335.911	110.064.003.941	110.064.003.941

Ghi chú:  
(\*) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, lãi suất dao động từ 4,1% đến 5,5%/năm.



4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị gốc	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	240.605.263.158	186.560.212.473	463.500.000.000	324.702.817.994
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	200.605.263.158	145.373.423.483 (*)	423.500.000.000	283.429.328.168 (*)
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	40.000.000.000	41.186.788.990 (*)	40.000.000.000	41.273.489.826 (*)
b.2 Đầu tư vào các đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	22.166.850.000	(1.500.000.000)	22.166.850.000	(1.500.000.000)
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	9.000.180.000	-	9.000.180.000	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(1.500.000.000)

Ghi chú:

(\*) Tại ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để trình bày thuyết minh do không áp dụng được giá niêm yết trên thị trường chứng khoán và/hoặc chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý có sử dụng kỹ thuật định giá.

(\*\*) Giá trị hợp lý được trình bày căn cứ theo số lượng cổ phiếu và giá tham chiếu của cổ phiếu trên sàn chứng khoán tại thời điểm 31/12/2024 và ngày 31/12/2023 nhằm mục đích tham khảo.



5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	-	9.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Lê Tuấn Vinh	-	9.000.000.000
Cộng	-	9.000.000.000

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.220.332.453	-	1.826.809.983	-
- Phải thu về tiền cổ tức	-	-	900.018.000	-
- Tạm ứng	658.000.000	-	356.000.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	203.315.068	-	247.945.205	-
- Phải thu về BHXH	119.038.223	-	84.217.616	-
- Phải thu khác	239.979.162	-	238.629.162	-
b. Dài hạn	20.440.000	-	170.440.000	-
- Kỳ quỹ, ký cược	20.440.000	-	170.440.000	-
Cộng	1.240.772.453	-	1.997.249.983	-

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm (số điều chỉnh lại)	
	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	258.807.559.176	(247.168.959.595)	179.337.146.435	(127.148.725.317)
Trong đó:				
- Phải thu khách hàng	258.807.559.176	(247.168.959.595)	179.337.146.435	(127.148.725.317)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	23.388.205.764	(23.388.205.764)	23.389.695.764	(11.170.525.356)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Bita Hải Dương	5.088.183.405	(5.088.183.405)	5.088.183.405	(5.088.183.405)
+ Các đối tượng khác	230.331.170.007	(218.692.570.426)	150.859.267.266	(110.890.016.556)
Cộng	258.807.559.176	(247.168.959.595)	179.337.146.435	(127.148.725.317)





8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	118.670.482.597	-	130.818.313.955	-
- Công cụ, dụng cụ	15.801.442.149	-	11.229.947.927	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.095.038.479	-	73.470.200.531	-
- Thành phẩm	83.244.623.936	-	82.173.696.854	-
- Hàng hóa	1.722.591.417	-	1.742.369.320	-
- Hàng hóa gửi bán	3.118.216.708	-	27.947.120.071	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	290.652.395.286	-	327.381.648.658	-

9. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	424.297.740	12.431.962.560
- Dự án nhà máy Bia Sagota	-	9.870.933.820
- Máy chiết lon	-	2.136.731.000
- Các dự án khác	424.297.740	424.297.740
Cộng	424.297.740	12.431.962.560

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	839.814.899.017	2.979.324.771.040	65.295.271.988	3.931.730.437	2.266.799.696	3.890.633.472.178
2. Số tăng trong năm	115.000.000	13.443.186.287	-	-	-	13.558.186.287
- Mua trong năm	-	3.041.012.000	-	-	-	3.041.012.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	115.000.000	10.402.174.287	-	-	-	10.517.174.287
3. Số giảm trong năm	12	43.293.329.973	6.682.139.996	-	-	49.975.469.981
- Thanh lý, nhượng bán	-	43.293.329.973	6.682.139.996	-	-	49.975.469.969
- Giảm khác	12	-	-	-	-	12
4. Số dư cuối năm	839.929.899.005	2.949.474.627.354	58.613.131.992	3.931.730.437	2.266.799.696	3.854.216.188.484
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	443.086.594.531	2.226.411.294.848	39.995.889.079	3.719.551.275	2.266.799.696	2.715.480.129.429
2. Số tăng trong năm	38.568.435.853	121.257.186.046	4.235.934.801	54.426.420	-	164.115.983.120
- Khấu hao trong năm	38.568.435.853	121.257.186.046	4.235.934.801	54.426.420	-	164.115.983.120
3. Số giảm trong năm	-	42.999.242.488	5.104.358.045	-	-	48.103.600.533
- Thanh lý, nhượng bán	-	42.999.242.488	5.104.358.045	-	-	48.103.600.533
4. Số dư cuối năm	481.655.030.384	2.304.669.238.406	39.127.465.835	3.773.977.695	2.266.799.696	2.831.492.512.016
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	396.728.304.486	752.913.476.192	25.299.382.909	212.179.162	-	1.175.153.342.749
2. Tại ngày cuối năm	358.274.868.621	644.805.388.948	19.485.666.157	157.752.742	-	1.022.723.676.468

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.213.848.087.240 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 417.593.367.092 VND đã được thể chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh V.18).





11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	Phần mềm	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	2.724.687.387	84.390.024.990	1.959.375.000	89.074.087.377
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.724.687.387	84.390.024.990	1.959.375.000	89.074.087.377
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	2.724.687.387	17.939.355.309	1.699.168.750	22.363.211.446
2. Số tăng trong năm	-	1.760.561.832	260.206.250	2.020.768.082
- Khấu hao trong năm	-	1.760.561.832	260.206.250	2.020.768.082
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.724.687.387	19.699.917.141	1.959.375.000	24.383.979.528
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	-	66.450.669.681	260.206.250	66.710.875.931
2. Tại ngày cuối năm	-	64.690.107.849	-	64.690.107.849

**Ghi chú:**  
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.684.062.387 VND.

(\*) Quyền sử dụng đất gồm:  
- Quyền sử dụng đất tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh có thời hạn sử dụng đến 11/2063.  
- Quyền thuê đất tại nhà máy Bia Hoàng Quỳnh có thời hạn sử dụng đến năm 2047.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>801.921.612</b>	<b>677.389.264</b>
- Chi phí bảo hiểm	718.311.612	506.471.595
- Chi phí khác	83.610.000	170.917.669
<b>b. Dài hạn</b>	<b>52.956.761.638</b>	<b>52.247.202.816</b>
- Bao bì luân chuyển (1)	10.493.630.896	13.613.509.701
- Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	8.298.848.359	2.814.739.442
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.087.782.518	2.717.138.060
- Chi phí thuê đất trả trước tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh (2)	12.345.044.562	12.772.437.426
- Chi phí thuê đất trả trước tại Nhà máy bia Đồng Tháp (3)	19.731.455.303	20.329.378.187

**Ghi chú:**  
(1) Bao bì luân chuyển gồm Chai nâu lager và Két nhựa được phân bổ trong thời hạn 36 tháng.  
(2) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh được phân bổ trong thời gian 49 năm (bắt đầu từ tháng 11 năm 2004).  
(3) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Đồng Tháp được phân bổ trong thời gian 40 năm (bắt đầu từ tháng 01 năm 2018).

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>81.868.658.477</b>	<b>81.868.658.477</b>	<b>77.730.174.581</b>	<b>77.730.174.581</b>
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	35.351.796.845	35.351.796.845	30.717.686.493	30.717.686.493
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	15.182.080.251	15.182.080.251	11.206.665.416	11.206.665.416
- Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Đầu tư HMG	-	-	7.186.757.968	7.186.757.968
- Các nhà cung cấp khác	31.334.781.381	31.334.781.381	28.619.064.704	28.619.064.704
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>81.868.658.477</b>	<b>81.868.658.477</b>	<b>77.730.174.581</b>	<b>77.730.174.581</b>

**c. Phải trả người bán là các bên liên quan**  
(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).



**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>19.795.093.569</b>	<b>21.132.592.270</b>
- Công ty Metro J Trading	9.404.698.102	4.837.302.300
- Trade Beer Sole Co., Ltd	6.732.350.222	13.879.062.110
- Các khách hàng khác	3.658.045.245	2.416.227.860
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.795.093.569</b>	<b>21.132.592.270</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>473.260.063.220</b>	<b>2.027.924.038.763</b>	<b>2.099.639.572.340</b>	<b>401.544.529.643</b>
- Thuế giá trị gia tăng	110.365.766.428	133.241.412.580	221.238.520.117	22.368.658.891
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	107.494.767	107.494.767	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	98.352.748	98.352.748	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	360.954.441.300	1.768.740.030.123	1.866.221.346.341	263.473.125.082
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.147.275.184	3.069.707.915	2.306.822.448	1.910.160.651
- Thuế thu nhập cá nhân	786.345.428	6.734.820.700	6.607.546.587	913.619.541
- Thuế tài nguyên	6.234.880	46.788.720	50.309.200	2.714.400
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.951.240.486	2.951.240.486	-
- Thuế khác	-	112.934.190.724	57.939.646	112.876.251.078
<b>b. Phải thu</b>	<b>1.015.212.435</b>	-	<b>8.657.589</b>	<b>1.006.554.846</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.554.846	-	-	1.006.554.846
- Thuế thu nhập cá nhân	8.657.589	-	8.657.589	-

**Ghi chú:**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.238.543.111</b>	<b>7.364.582.040</b>
- Trích trước chi phí lãi vay	1.737.502.509	6.177.486.099
- Các khoản khác	1.501.040.602	1.187.095.941
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.238.543.111</b>	<b>7.364.582.040</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>31.586.252.055</b>	<b>47.407.197.114</b>
- Phải trả BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.751.840.335	1.442.052.935
- Cổ tức phải trả	3.599.799.000	2.442.737.000
- Nhận ký cược, ký quỹ	25.998.898.552	42.909.782.816
- Phải trả khác	235.714.168	612.624.363
<b>b. Dài hạn</b>	-	-



18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	297.157.402.011	297.157.402.011	804.586.031.507	875.380.188.888	367.951.559.392	367.951.559.392
a.1 Vay ngắn hạn	297.157.402.011	297.157.402.011	804.586.031.507	845.515.688.042	338.087.058.546	338.087.058.546
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(1) 212.802.985.274	212.802.985.274	561.207.012.629	649.683.099.204	301.279.071.849	301.279.071.849
- Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn	(2) 20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	(3) 60.916.391.737	60.916.391.737	163.179.286.434	119.070.881.394	16.807.986.697	16.807.986.697
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	(4) 3.438.025.000	3.438.025.000	80.199.732.444	76.761.707.444	-	-
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	29.864.500.846	29.864.500.846	29.864.500.846
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	29.864.500.846	29.864.500.846	29.864.500.846
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	297.157.402.011	297.157.402.011	804.586.031.507	875.380.188.888	367.951.559.392	367.951.559.392

39  
T.P.H  
KIỂM  
HÀNG  
VỤT  
TNH  
ĐỒNG

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/CV-0020/KHDN/23 ngày 13/12/2024 với hạn mức tín dụng cho vay không vượt quá 250 tỷ đồng để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay và lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Tài sản đảm bảo

- Toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc Dự án nhà máy bia Sài Gòn - Đồng Tháp, công suất 45 triệu lít/năm tại Lô CN2, KCN Trần Quốc Toản, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0051/NHNT-KD/17 ký ngày 05/06/2017;
- Toàn bộ các máy móc, thiết bị là dây chuyền chiết chai công suất vận hành 30.000 chai/giờ thuộc dự án đầu tư mới thiết bị chiết rót cho nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0097/NHNT-KD/16 ký ngày 25/08/2016;
- Dây chuyền chiết lon công suất vận hành 33.000 lon/giờ thuộc dự án “Đầu tư Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn – Đồng Tháp” theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0050/NHNT-KD/17 ký ngày 05/06/2017;
- Hàng tồn kho và/hoặc khoản phải thu thuộc sở hữu của Công ty với giá trị tối thiểu 100% dư nợ cấp tín dụng ngắn hạn tại mọi thời điểm theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0045/NHNT-KD/19 ký ngày 20/11/2019 và Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0046/NHNT-KD/19 ký ngày 20/11/2019.

(2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay tiền số 42/CPVT/2019 và Hợp đồng số 01/CPVT/2020 ngày 12/03/2020 và các phụ lục kèm theo để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất vay là 6,5%/năm, khoản vay không có tài sản thế chấp.



18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CHCM.HDDN.24.21 ngày 13/06/2024 với hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Tài sản đảm bảo

- Quyền sử dụng đất 23.120,8 m<sup>2</sup> tại các lô A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; và lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- Công trình xây dựng trên đất tại A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; và lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất bia tại nhà máy Hoàng Quỳnh sau khi đã loại ra dây chuyền chiết chai trị giá 87.101.000.000 VND tại địa chỉ A73/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00014660.08882/2023/HĐTD ngày 19/01/2024 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng (trong đó 50 tỷ đồng sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất bia. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	201.609.284.376	1.961.039.890.509
- Lợi nhuận trong năm (số điều chỉnh lại)	-	-	-	-	(389.438.757.262)	(389.438.757.262)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(43.762.268.000)	(43.762.268.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023 (số điều chỉnh lại)	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	(231.591.740.886)	1.527.838.805.247
Số dư tại ngày 01/01/2024 (số điều chỉnh lại)	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	(231.591.740.886)	1.527.838.805.247
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(306.751.606.628)	(306.751.606.628)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(87.524.536.000)	-	(87.524.536.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	411.120.769.720	(538.343.347.514)	1.133.562.722.619

Ghi chú:

(\*) Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/06/2023 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/ĐHĐCĐ ngày 18/07/2024, Công ty đã dùng nguồn từ hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức bằng tiền cho các Cổ đông với tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 là 5%/cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 5%/cổ phiếu.





19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	521.872.000.000	143.723.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	55.200.000.000	55.200.000.000
- Tổ chức, cá nhân khác	298.173.360.000	676.322.360.000
<b>Cộng</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>875.245.360.000</b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	875.245.360.000	875.245.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ tức đã chia (*)	87.524.536.000	43.762.268.000

Ghi chú:

(\*) Công ty chia cổ tức bằng tiền cho các Cổ đông trong năm với tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 là 5%/cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 5%/cổ phiếu căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/06/2023 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/ĐHĐCĐ ngày 18/07/2024.

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.524.536	87.524.536
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	87.524.536	87.524.536
+ Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.524.536	87.524.536
+ Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	411.120.769.720	498.645.305.720

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	1.943.064,95	690.264,05

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
	4.719.377.015	4.719.377.015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	1.577.968.791.223	1.929.526.139.065
- Doanh thu bán hàng hóa	493.980.285.583	64.260.068.001
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	101.602.544.132	17.072.658.051
- Doanh thu khác	6.755.950.344	9.328.518.768

Cộng

<b>2.180.307.571.282</b>	<b>2.020.187.383.885</b>
--------------------------	--------------------------

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b).

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp
- Giá vốn khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.517.983.493.436	1.946.313.178.750
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	451.194.940.783	49.914.371.446
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	100.442.544.381	13.948.163.782
- Giá vốn khác	3.446.640.429	1.782.648.242

Cộng

<b>2.073.067.619.029</b>	<b>2.011.958.362.220</b>
--------------------------	--------------------------

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Cổ tức, lợi nhuận được chia

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	9.175.328.131	12.534.002.246
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.665.235.923	1.090.746.116
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.556.156.654	368.476.116
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.133.370.000	3.550.036.500

Cộng

<b>16.530.090.708</b>	<b>17.543.260.978</b>
-----------------------	-----------------------



4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	20.851.026.400	40.554.365.627
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.348.146	101.961.417
<b>Cộng</b>	<b>21.078.374.546</b>	<b>40.656.327.044</b>

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>40.114.614.086</b>	<b>35.681.877.966</b>
- Chi phí nhân viên	6.581.478.263	9.956.410.453
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	16.177.300.009	16.166.242.934
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	292.727.290	286.885.443
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.979.502.621	4.847.645.782
- Chi phí bằng tiền khác	11.083.605.903	4.424.693.354
<b>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>179.948.250.302</b>	<b>169.353.211.324</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	32.629.319.515	27.563.438.786
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	508.415.085	91.475.592
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.807.091.945	8.903.872.502
- Chi phí dự phòng	120.020.234.278	121.962.935.956
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.824.674.064	5.193.511.480
- Chi phí bằng tiền khác	13.158.515.415	5.637.977.008

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	4.418.581.686	-
- Các khoản khác	1.476.418.234	284.623.260
<b>Cộng</b>	<b>5.894.999.920</b>	<b>284.623.260</b>

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	229.087.485	-
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	109.912.319.958	118.823.787.014
- Xử lý chi phí XD CBDD dây chuyền chiết 15.000 lon/h	2.136.731.000	-
- Chi phí hỗ trợ hoạt động thị trường thương hiệu Bia Sài Gòn	5.837.000.000	-
- Các khoản khác	3.009.610	2.052.457
<b>Cộng</b>	<b>118.118.148.053</b>	<b>118.825.839.471</b>

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.668.615.352.565	1.539.856.253.777
- Chi phí nhân công	109.426.618.007	103.049.796.317
- Chi phí khấu hao TSCĐ	166.136.751.202	217.150.040.340
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.044.913.794	103.041.419.982
- Chi phí bằng tiền khác	156.275.680.262	134.938.354.124
<b>Cộng</b>	<b>2.189.499.315.830</b>	<b>2.098.035.864.540</b>

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	-	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	3.069.707.915	2.736.710.824
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.069.707.915</b>	<b>2.736.710.824</b>

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	50.944.949.086	55.816.609.792
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>50.944.949.086</b>	<b>55.816.609.792</b>

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	87.524.536	87.524.536
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(3.505)</b>	<b>(4.449)</b>

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	87.524.536	87.524.536
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(3.505)</b>	<b>(4.449)</b>



VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	804.586.031.507	814.736.338.341
<b>Cộng</b>	<b>804.586.031.507</b>	<b>814.736.338.341</b>
2. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	875.380.188.888	986.027.601.169
<b>Cộng</b>	<b>875.380.188.888</b>	<b>986.027.601.169</b>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<i>a. Các bên liên quan</i>	
<b>Tên bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Công ty con
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	Công ty con
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Cổ đông lớn, cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bến Tre	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Polycó	Cổ đông
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách khoa	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các cá nhân khác có liên quan	Ban điều hành

*b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan*

Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>b.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.688.398.975.002	755.753.291.683
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	10.000.000	75.000.000
<b>b.2. Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.268.461.228.035	488.769.053.037
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	112.334.490.710	49.041.254.318
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	6.078.514.235	2.978.881.677
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	10.390.371.915	-
<b>b.3. Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	1.800.036.000	1.800.036.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	2.333.334.000	1.750.000.500
<b>b.4. Chi phí lãi vay</b>		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	1.300.000.000	3.054.109.590
<b>b.5. Cổ tức phải trả cho cổ đông</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	21.558.450.000	7.186.150.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5.520.000.000	2.760.000.000
<b>b.6. Giao dịch khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (chi phí hỗ trợ hoạt động thị trường thương hiệu Bia Sài Gòn)	5.837.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh (Thanh lý tài sản cố định)	2.880.000.000	-



1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:

Hội đồng Quản trị			
Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Phạm Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Đinh Văn Thuận	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Đinh Quang Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Đặng Thái	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)	72.000.000	72.000.000
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)	72.000.000	72.000.000
Cộng		528.000.000	528.000.000

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Huy Cảnh	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/12/2024)	51.153.846	
Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1.086.000.000	1.080.000.000
Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	891.000.000	877.500.000
Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	891.000.000	325.000.000
Nguyễn Thị Hiếu	Kế toán trưởng	841.000.000	360.000.000
Cộng		3.760.153.846	2.642.500.000

Ban kiểm soát			
Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Cộng		108.000.000	108.000.000

Những người quản lý khác	8.942.000.000	8.302.500.000
--------------------------	---------------	---------------

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>c. Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>		
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh V.02)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	127.134.553.956	96.762.543.498
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	-	16.500.000
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.03)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	1.768.804.620
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.06)</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	-	900.018.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.13)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	35.351.796.845	30.717.686.493
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	15.182.080.251	11.206.665.416
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5.105.648.574	4.820.000.285
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	2.892.330.571	2.225.288.901
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh V.16)</b>		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	1.300.000.000	5.909.657.534
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh V.18)</b>		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	20.000.000.000	20.000.000.000

**Ghi chú:**  
Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 đã được trình bày lại để phù hợp với danh sách các đơn vị liên quan đã nêu tại Thuyết minh VIII.1.a.

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

<i>Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý</i>			
Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.957.957.970.384	222.349.600.898	2.180.307.571.282
Giá vốn	1.910.765.917.639	162.301.701.390	2.073.067.619.029
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>47.192.052.745</b>	<b>60.047.899.508</b>	<b>107.239.952.253</b>

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động sản xuất là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và Công ty con, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty và Công ty con. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng hoạt động sản xuất là một bộ phận kinh doanh duy nhất.



3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty kiểm toán khác thực hiện với ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số điều chỉnh trình bày trong số liệu đầu kỳ được điều chỉnh hồi tố lại theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1133/QĐ-XPHC ngày 30/12/2024 của Cục thuế Tỉnh Ninh Thuận tại Công ty con - Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận và ảnh hưởng của việc hồi tố trích lập dự phòng công nợ phải thu quá hạn tại Công ty con - Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2023 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Tại ngày 31/12/2023 (sau điều chỉnh)
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>TÀI SẢN</b>				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(48.219.751.107)	(78.928.974.210)	(127.148.725.317)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	354.512.371.686	118.747.691.534	473.260.063.220
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.620.258.007	(237.211.998.893)	(231.591.740.886)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	(152.226.758.369)	(237.211.998.893)	(389.438.757.262)
Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Năm 2023 (sau điều chỉnh)
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	90.424.237.114	78.928.974.210	169.353.211.324
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(133.415.246.225)	(78.928.974.210)	(212.344.220.435)
Chi phí khác	32	78.147.937	118.747.691.534	118.825.839.471
Lợi nhuận khác	40	206.475.323	(118.747.691.534)	(118.541.216.211)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(133.208.770.902)	(197.676.665.744)	(330.885.436.646)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16.281.276.643	39.535.333.149	55.816.609.792
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(152.226.758.369)	(237.211.998.893)	(389.438.757.262)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(152.226.758.369)	(237.211.998.893)	(389.438.757.262)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.739)	(2.710)	(4.449)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(1.739)	(2.710)	(4.449)

4. THÔNG TIN SO SÁNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Năm 2023 (sau điều chỉnh)
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	(133.208.770.902)	(197.676.665.744)	(330.885.436.646)
Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03	42.169.915.615	78.928.974.210	121.098.889.825
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.973.707.550	118.747.691.534	125.721.399.084

Người lập biểu



Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiếu

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lee Chio Lim Larry









Lựa Chọn Của Người Hiện Đại  
Bia Của Du Lịch Việt Nam

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

Trụ sở chính: Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (028) 3824 3586

Số Fax: (028) 3915 1859

Website: [www.sabibeco.com](http://www.sabibeco.com)

